



TẠP CHÍ

thủy sản

M 22

R

Số 3
2000

ISSN 0866710

CƠ QUAN CỦA BỘ THỦY SẢN



- **CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI THI ĐUA NGÀNH THỦY SẢN**
NGÀNH THỦY SẢN HƯỚNG TỚI ĐẠI HỘI THI ĐUA TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI NĂM 2000
 - CÔNG TY QD ĐC KIÊN GIANG : TẬP THỂ ANH HÙNG, CÁ NHÂN ANH HÙNG
 - CÁ BASA TỪ SÔNG TIỀN, SÔNG HẬU ĐI RA THẾ GIỚI
 - HƯƠNG VỊ BIỂN HẢI PHÒNG
 - GIÁM ĐỐC GIỎI MIỀN TRUNG
- **KỶ NIỆM 75 NĂM NGÀY BÁO CHÍ VIỆT NAM 21-6-2000**
 - THƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY SẢN GỬI CÁC NHÀ BÁO
- **VỀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN Ở MỘT SỐ TỈNH TRỌNG ĐIỂM NGHỀ CÁ**
- **QUẢN LÝ NGUỒN LỢI THỦY SẢN TẠI CÔNG VIÊN MALAIXIA**

CV 108



TIẾN TỚI ĐẠI HỘI THI ĐUA TOÀN QUỐC NĂM 2000 CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI THI ĐUA NGÀNH THỦY SẢN

CUỘC TÔN VINH NHỮNG TẤM GƯƠNG LUÔN VƯỢT TRÊN ĐẦU SÓNG NGỌN GIÓ

Năm bản lề của hai thế kỉ, của hai thiên niên kỉ, cũng là năm ghi dấu một công cuộc đổi mới vĩ đại trên đất nước ta, do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Cả nước đang chuẩn bị tiến tới Đại hội Thi đua toàn quốc năm 2000, cuộc hội ngộ lớn những người anh hùng, những đơn vị anh hùng, những chiến sĩ thi đua tiêu biểu cho mọi ngành, mọi cấp, mọi địa phương, những tấm gương sáng chói đại diện cho tinh thần lao động sáng tạo, quên mình, cho phẩm chất tâm hồn và trí tuệ Việt Nam.

Để tiến tới Đại hội thi đua toàn quốc, trung tuần tháng bảy, ngành thủy sản chúng ta có một cuộc hội ngộ - ấy là cuộc tôn vinh những tấm gương luôn vượt trên đầu sóng ngọn gió, những tấm gương tập thể và cá nhân tiêu biểu cho hơn ba triệu lao động nghề cá, cho hàng triệu ngư dân đang sinh sống dọc dài đất ven biển hình chữ S thân yêu, cho hàng triệu nông dân đang nuôi trồng đánh bắt thủy sản trên khắp các sông hồ, đồng ruộng. Đại hội thi đua ngành thủy sản sẽ là một cuộc biểu dương đầy ý nghĩa, một sự nhìn nhận, đánh giá lại chặng đường thực hiện đổi mới vừa qua, để xốc lại hành trang, tăng tốc, vượt sóng cả, gió lớn tiến vào thiên niên kỉ mới.

Có thể tự hào khẳng định rằng, hai mươi năm liên tục ngành thủy sản đã hoàn thành kế hoạch với các chỉ tiêu ngày càng cao. Nếu như năm 1980, toàn ngành mới đạt tổng sản lượng hơn 558 ngàn tấn, với giá trị xuất khẩu 11,2 triệu đô la, năm 1990 tổng sản lượng đã đạt hơn 978 ngàn tấn, giá trị kim ngạch xuất khẩu đã đạt 205 triệu đô la. Và, gần mười năm sau, năm 1999, con số tổng sản lượng là 1.827 ngàn tấn, với giá trị xuất khẩu đạt 971 triệu đô la. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2000 với tổng kim ngạch xuất khẩu 1,1 tỉ đô la không còn là một con số xa vời.

Từ một lĩnh vực kinh tế nhỏ bé, sản xuất thủ công manh mún, lệ thuộc vào tự nhiên, thủy sản đang thực sự trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Xếp theo hàng thứ bậc của thế giới, nghề cá Việt Nam đã liên tục bứt phá vươn lên đứng thứ 19 về sản lượng, thứ 30 về kim ngạch xuất khẩu, thứ 5 về sản lượng nuôi tôm trong nghề cá thế giới (thống kê năm 1997).

Không ai khác làm nên những thành tựu kì diệu ấy, là những người lao động đang ngày đêm lao động hoặc đánh bắt trên mọi ngư trường xa vùng biển nước ta, tham gia bảo vệ vùng biển đảo, vùng trời Tổ quốc từ địa đầu Móng Cái đến Hà Tiên hoặc là những người lao động đang nuôi trồng thủy sản dọc các rừng ngập mặn ven biển từ Quảng Ninh cho tới Cà Mau, Kiên Giang, từ các hồ nước ngọt Cấm Sơn, Thác Bà tới ngã ba sông Tiền, sông Hậu phía thượng nguồn Châu Đốc. Và, tình nhuệ hơn, hiện đại hơn, phải kể đến hàng chục nghìn lao động đang ngày đêm làm việc quên mình trong các xí nghiệp chế biến, các nhà máy đông lạnh, các trường học, trạm trại, viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản. Chính họ đã làm nên một thành tích bất ngờ thời gian qua: đưa 28 đơn vị tham gia nhóm 1 xuất khẩu thủy sản vào thị trường EU, một thị trường khó tính nhất thế giới.

Xin chào mừng những «thuyền trưởng», «thủy thủ» tiêu biểu của con Tàu Thủy sản, chào những chiến sĩ tiên phong luôn vượt trên đầu sóng ngọn gió. Mong được gặp lại các anh, các chị tại ngày Đại hội ngộ sắp tới - Đại hội thi đua toàn quốc lần thứ VI vào hạ tuần tháng 11 năm 2000

TẠP CHÍ THỦY SẢN

KỶ NIỆM 75 NĂM NGÀY BÁO CHÍ VIỆT NAM 21-6

THƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY SẢN GỬI CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ NGÀNH THỦY SẢN NHÂN NGÀY BÁO CHÍ VIỆT NAM

Nhân ngày Báo chí Việt Nam 21 tháng 6, thay mặt Ban cán sự và Lãnh đạo Bộ Thủy sản, tôi gửi tới các nhà báo, các cán bộ công nhân viên, các công tác viên đang công tác tại các cơ quan báo chí, thông tin của ngành Thủy sản lời chào mừng chân thành và tốt đẹp nhất.

Trong năm bôn bề giữa hai thế kỉ, hai thiên niên kỉ này, trọng trách của các nhà báo - những thế kỉ của thời đại - càng nặng nề, nhưng chắc chắn càng vinh quang. Với ngành Thủy sản, một ngành kinh tế mũi nhọn như tình thần Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng đã nhấn mạnh, việc phản ánh những bước chuyển đổi của ngành cũng như những khó khăn những trở ngại toan của hàng triệu lao động nghề cá, đang là nhiệm vụ đặt ra cho các nhà báo, đặc biệt là các nhà báo trong ngành.

Riêng với Tạp chí Thủy sản, cơ quan báo chí chủ lực của ngành, vào tuổi 15, với những thành tích đã đạt được trong việc tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước, tuyên truyền nhiệm vụ của ngành, rất xứng đáng biểu dương, khen ngợi. Tuy nhiên, bước vào giai đoạn phát triển mới, nhiệm vụ tuyên truyền báo chí của ngành đòi hỏi chúng ta phải sắp xếp, tổ chức lại, đổi mới Tạp chí Thủy sản cần tiếp tục phát huy những thành tích, kinh nghiệm vốn có để cải tiến hơn nữa, đáp ứng nhiệm vụ của ngành bước vào thiên niên kỉ mới.

Hy vọng rằng, những người làm báo trong ngành sẽ gặt hái thêm nhiều thành quả mới, hợp tác chặt chẽ hơn nữa với giới báo chí trong cả nước, xứng đáng là những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận tư tưởng văn hóa, người bạn thân thiết của các ngư dân.

Xin cảm ơn và chào thân ái!

TA QUANG NGỌC
Bí thư Ban cán sự
Bộ trưởng Bộ Thủy sản

TIN TỨC - SỰ KIỆN

● Nghị quyết Chính phủ về phiên họp thường kì tháng 5/2000

Trong hai ngày 31/5 và 1/6, Chính phủ đã họp phiên thường kì tháng 5 dưới sự chủ tọa của Thủ tướng Phan Văn Khải.

Tại phiên họp, Chính phủ tập trung thảo luận hai đề án: "Thúc đẩy tiêu thụ nông sản hàng hóa để phát triển sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế - nông thôn"; "Phát triển công nghiệp phần mềm giai đoạn 2000-2005" và nghe báo cáo về tình hình thi hành Luật Doanh nghiệp năm tháng qua và tình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tháng 5 và năm tháng đầu năm 2000.

Đề án "Thúc đẩy tiêu thụ nông sản hàng hóa để phát triển sản xuất nông nghiệp chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn" đã nêu bảy giải pháp cần thực hiện trước mắt trong đó giải pháp hàng đầu là: "Chuyển dịch cơ cấu sản xuất phù hợp thị trường trong nước và xuất khẩu" được các thành viên tập trung thảo luận sôi nổi. Một số sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao như thủy sản, lúa, gạo, cà phê, hạt điều, hồ tiêu... được đặc biệt nhấn mạnh.

Về tình hình kinh tế xã hội tháng 5 và năm tháng đầu năm tiếp tục có những chuyển biến tích cực trên một số lĩnh vực quan trọng. Việc ban hành Luật Doanh nghiệp khiến môi trường kinh doanh đã phần nào được cải thiện, thông thoáng và thuận lợi hơn so với trước.

Ngày 8/6/2000 Thủ tướng Phan Văn Khải đã kí Nghị quyết số 08/2000/NQ-CP về phiên họp này.

● Kỳ họp thứ 7 Quốc hội - Khóa X thành công tốt đẹp

Sau một tháng làm việc với tinh thần khẩn trương, dân chủ và trách nhiệm cao, ngày 9/6/2000, kì họp thứ 7 Quốc hội Khóa X đã thành công tốt đẹp.

Tới dự phiên bế mạc có Tổng bí thư Lê Khả Phiêu, cố vấn Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt, Chủ tịch nước Trần Đức Lương và Thủ tướng Phan Văn Khải.

Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh đã chủ trì phiên bế mạc, đồng chí đánh giá cao kết quả kì họp quốc hội lần này: xem xét báo cáo bổ sung của Chính phủ về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội, ngân sách Nhà nước 1999 và việc triển khai công tác năm 2000 theo các Nghị quyết của Quốc hội; đã thông qua 5 dự án luật: Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Dầu khí, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tố tụng hình sự.

Tại kì họp này Quốc hội đã phê chuẩn Hiệp ước Biên giới trên đất liền giữa CHXHCN Việt Nam và CHND Trung Hoa và xem xét một số vấn đề quan trọng khác. □

ĐẠI HỘI THI ĐUA NGÀNH THỦY SẢN SẼ ĐƯỢC TỔ CHỨC TẠI HÀ NỘI VÀO NGÀY 13-14/7/2000

BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY SẢN VỪA KÝ QUYẾT ĐỊNH SỐ 524/QĐ-BTS TỔ CHỨC ĐẠI HỘI THI ĐUA NGÀNH THỦY SẢN TẠI CƠ QUAN BỘ THỦY SẢN (10-12 NGUYỄN CÔNG HOAN - HÀ NỘI) VÀO HAI NGÀY 13 VÀ 14-7-2000.

QUYẾT ĐỊNH NẾU RÕ MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU CỦA ĐẠI HỘI LÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG CỦA PHONG TRÀO THI ĐUA YẾU NƯỚC ĐO BÁC HỒ PHÁT ĐỘNG TỪ NĂM 1948, QUÁN TRIỆT CHỈ THỊ SỐ 35/CP-TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ, TẠO NÊN MỘT KHÍ THẾ THI ĐUA SÂU RỘNG TRONG NGÀNH THỦY SẢN HƯỚNG TỚI ĐẠI HỘI THI ĐUA TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI THEO ĐÚNG TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NG-TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ TỔ CHỨC KỶ NIỆM CÁC NGÀY LỄ LỚN CỦA NĂM 2000.

NGÀNH THỦY SẢN HƯỚNG TỚI ĐẠI HỘI THI ĐUA TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI NĂM 2000

NGUYỄN NGỌC HỒNG

THỦ TRƯỞNG BỘ THỦY SẢN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI ĐUA KHEN THƯỞNG BỘ THỦY SẢN

Hơn 10 năm qua, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, ngành thủy sản đã có những đóng góp đáng kể, góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của ngành và đã trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước với tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu xấp xỉ 1 tỉ USD. Trong bối cảnh ấy, phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong lao động sản xuất kinh doanh, đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý ngành đã có những chuyển biến cơ bản theo tinh thần Chỉ thị số 35/CT-TU ngày 3/6/1998 của Bộ Chính trị.

Giờ đây, với 3 chương trình kinh tế: Chương trình khai thác hải sản xa bờ; Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản; Chương trình phát triển xuất khẩu thủy sản, phong trào thi đua đã được khơi dậy và phát triển sâu rộng trong khắp các vùng, miền trong cả nước, tác động lên mọi thành phần kinh tế, mọi lĩnh

vực thuộc ngành, đặc biệt là tại các địa phương ven biển tham gia.

Trong khai thác thủy sản, bằng các nguồn vốn khác nhau: vốn tín dụng Nhà nước, vốn dân tự đầu tư và vốn khắc phục hậu quả cơn bão số 5, hơn 3 năm qua đã đóng mới, cải hoán, nâng cấp được khoảng 5.564 tàu khai thác hải sản xa bờ với tổng công suất hơn 1.070.000CV. Dù rằng còn nhiều khó khăn, song có thể nói, Chương trình khai thác hải sản xa bờ đã thu được một số kết quả nhất định, tạo được sự quan tâm, hưởng ứng của nhiều địa phương và đông đảo ngư dân làm nghề khai thác. Nghề cá nhân dân đã từng bước phát huy những ưu điểm vốn có, mạnh dạn khắc phục, loại bỏ dần những hạn chế, nếp nghĩ cũ trong làm ăn, thi đua hướng tới những công nghệ đánh bắt mới, học tập những phương thức sản xuất cùng trình độ sử dụng những phương tiện, trang thiết

► bị hàng hải hiện đại phục vụ nghề biển. Ngư dân có điều kiện vươn ra khai thác hải sản vùng biển, bám biển dài ngày, tăng cường sự có mặt thường xuyên của lực lượng tàu thuyền đánh cá trên biển, góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng, khẳng định chủ quyền, ngăn chặn tàu thuyền nước ngoài xâm phạm vùng biển của Việt Nam. áp lực khai thác nguồn lợi hải sản ở vùng gần bờ đã giảm; Việc làm và thu nhập cho ngư dân được cải thiện; Cơ cấu nghề nghiệp, cơ cấu tàu thuyền được chuyển đổi theo hướng phù hợp hơn; Các cơ sở cơ khí, đóng sửa tàu thuyền đánh cá trong cả nước được phục hồi và phát triển, có thêm việc làm, thu nhập, liên tục thi đua phát huy sáng kiến, đổi mới, tiếp thu công nghệ đóng sửa tàu thuyền có chất lượng; Quan hệ sản xuất từng bước được củng cố và xây dựng phù hợp; Sản lượng khai thác hải sản phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu tăng dần theo từng năm. Trong lĩnh vực khai thác thời gian qua đã có nhiều đơn vị và cá nhân tiêu biểu như: Công ty quốc doanh đánh cá Kiên Giang, Công ty Thủy sản và XNK Côn Đảo, Hợp tác xã đánh cá Lập Lễ (Hải Phòng), Xí nghiệp đóng tàu Sông Đào (Nam Định)..., và đông đảo bà con ngư dân, các chủ tàu đánh cá ở Bà Rịa - Vũng Tàu, Bến Tre, Trà Vinh, Tiền Giang, Kiên Giang, Quảng Ngãi, Bình Định.... Một số đại biểu tiêu biểu nhất của bà con ngư dân đã có vinh dự được gặp mặt, báo cáo thành tích với Chủ tịch nước Trần Đức Lương trong năm 1999.

Về nuôi trồng thủy hải sản, phong trào đã được phát triển và nhân rộng từ miền biển tới đồng bằng, miền núi trong cả nước. Đối tượng nuôi phong phú, có chọn lọc, các hình thức nuôi đa dạng, mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói, giảm nghèo, có tác dụng kích thích thi đua trong mọi thành phần kinh tế. Hiện nay, phong trào thi đua phát triển nuôi trồng thủy sản nói chung và nuôi tôm sú theo hướng công nghiệp nói riêng là hướng chủ lực trong việc tạo nguồn nguyên liệu cho xuất khẩu. Nhiều địa phương đã xác định phát triển nuôi tôm sú xuất khẩu là hướng làm giàu cho địa phương. Trong phong trào thi đua nuôi trồng thủy sản hiện nay ngày càng xuất hiện nhiều nhân tố làm ăn giỏi tại nhiều địa phương trong cả nước như: Sóc Trăng, Ninh Thuận, Khánh Hoà, An Giang, Đồng Tháp, Nghệ An, Quảng Ninh, một số tỉnh miền núi như Lai Châu, Sơn La, Yên Bái.... Các tổ chức khuyến ngư tại các địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc phổ biến kỹ thuật, hướng dẫn người dân phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao

năng suất và sản lượng. Những triệu phú, tỉ phú xuất hiện từ phong trào nuôi trồng thủy sản, những gương cá nhân làm ăn giỏi, tận tụy với nghề, chịu bỏ vốn làm ăn và thu lợi lớn ngày một nhiều như ông Lâm Thanh Tuấn ở Sóc Trăng, ông Nho, ông Ngô Minh Huân ở Cam Ranh (Khánh Hoà)..., đã thực sự là nhân tố kích thích phong trào nuôi phát triển cả chiều sâu và bề rộng trong cả nước.

Chế biến xuất khẩu thủy sản đã góp phần quan trọng nâng kim ngạch xuất khẩu thủy sản trong những năm qua và phấn đấu đạt chỉ tiêu 1,1 tỉ USD trong năm 2000. Các cơ sở chế biến đã đầu tư nâng cấp nhà xưởng, đổi mới thiết bị, áp dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại, sản xuất ra nhiều loại sản phẩm có giá trị gia tăng, phù hợp với thị hiếu tiêu dùng, từng bước áp dụng các phương thức quản lý chất lượng đảm bảo an toàn vệ sinh sản phẩm thủy sản, đáp ứng các yêu cầu của thị trường, của khách hàng. Các doanh nghiệp chế biến đã thi đua trong việc mở rộng xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường cả trong và ngoài nước, tạo nguồn nguyên liệu phong phú cho chế biến, xuất khẩu tăng khả năng cạnh tranh của hàng thủy sản Việt Nam trên thị trường thế giới bằng chính uy tín kinh doanh và chất lượng sản phẩm của mình. Việc tạo được chỗ đứng vững chắc tại các thị trường truyền thống như Nhật Bản, Đông Bắc Á và Đông Nam Á, không ngừng gia tăng xuất khẩu vào thị trường Mỹ và đặc biệt là việc có tên trong Danh sách 1 các nước được phép xuất khẩu thủy sản, bao gồm cả nhuyễn thể hai mảnh vỏ, vào thị trường EU là một minh chứng cho thấy kết quả của quá trình thi đua toàn diện, phấn đấu lao động sáng tạo và bền bỉ. Tiêu biểu cho phong trào là các đơn vị như : Công ty thực phẩm xuất khẩu tổng hợp Sóc Trăng, Công ty xuất nhập khẩu thủy sản An Giang, Xí nghiệp chế biến thủy súc sản xuất khẩu Cần Thơ, Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Cà Mau, Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung, Công ty xuất nhập khẩu thủy đặc sản thuộc Tổng Công ty thủy sản Việt Nam, Công ty chế biến thủy sản xuất khẩu Nha Trang..., và nhiều cá nhân, đơn vị khác thuộc mọi thành phần kinh tế đã tham gia chế biến, xuất khẩu, đem lại nguồn thu ngoại tệ đáng kể cho đất nước.

Tham gia 3 chương trình kinh tế nêu trên không thể không kể đến phong trào thi đua sôi nổi trong lĩnh vực dịch vụ hậu cần nghề cá, từ việc cung ứng các loại nguyên, nhiên vật liệu như xăng dầu, vật tư, nước đá, hóa chất, ngư lưới cụ, con giống, thức ăn..., đến thi đua đẩy nhanh tiến độ đầu tư, thi công các cảng ►

Bộ trưởng Tạ
Quang Ngọc trao
bằng Anh hùng
Lao động cho
Công ty Quốc
doanh đánh cá
Kiên Giang. Người
nhận là Giám đốc
Nguyễn Văn Tân
Ảnh : Quang Vinh



cá, bến cá, giải ngân, đóng tàu nhanh, có chất lượng, sớm đưa tàu vào sản xuất. Trong phong trào thi đua đã xuất hiện nhiều nhân tố điển hình như : Xí nghiệp đóng tàu Sông Đào (Nam Định), Xí nghiệp đóng tàu An Hoà thuộc Công ty quốc doanh đánh cá Kiên Giang, Công ty cung ứng và phát triển thủy sản Đà Nẵng..., cùng rất nhiều các hợp tác xã, tổ hợp, tư nhân đã chịu khó suy nghĩ, tìm tòi, mạnh dạn áp dụng các phương thức kinh doanh, kết hợp các loại hình dịch vụ nghề cá để đầu tư phát triển, làm ăn có lãi.

Nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, thi đua dạy tốt, học tốt, nghiên cứu khoa học phục vụ các nhiệm vụ chính trị trong phát triển ngành là mục tiêu bền bỉ, liên tục của hệ thống các viện, trường. Các trường Trường Trung học kĩ thuật Thủy sản I, Trường Trung học kĩ thuật và nghiệp vụ Thủy sản II đã cử nhiều lượt giáo viên có kinh nghiệm trong giảng dạy và nhiệt tình về địa phương mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng thuyền trưởng, máy trưởng, tổ chức dạy nghề cho ngư dân. Trường Trung học nghiệp vụ Thủy sản IV, Trường Đại học Thủy sản Nha Trang đã góp phần đào tạo, cung cấp nhiều lượt học sinh, sinh viên cho các đơn vị trong ngành. Các viện nghiên cứu như Viện nghiên cứu Hải sản, Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản II đã triển khai nhiều đề tài, dự án phục vụ các chương

trình kinh tế của ngành. Các trung tâm, đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc Bộ qua phong trào thi đua đã đóng góp nhiều công sức cho sự nghiệp phát triển ngành mà tiêu biểu là các đơn vị như: Trung tâm Kiểm tra chất lượng và vệ sinh thủy sản, Trung tâm nghiên cứu thủy sản III, Trung tâm Thông tin khoa học kĩ thuật và Kinh tế thủy sản. Tại các đơn vị kể trên đã xuất hiện những cá nhân, tập thể lao động giỏi, năng động, nhạy bén, dám nghĩ, dám làm, tạo phong trào thi đua phát triển sâu rộng trong đơn vị, trong lĩnh vực nhiệm vụ được phân công đảm trách.

Trong lĩnh vực quản lí ngành, các đơn vị Vụ, Cục, Thanh tra, Văn phòng Bộ, các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có quản lí thủy sản) đã có nhiều chuyển biến trong phong trào thi đua, góp phần quan trọng vào phong trào thi đua của toàn ngành, thể hiện ý thức trách nhiệm cao trong hoạch định chiến lược và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của ngành. Tăng cường trách nhiệm quản lí nhà nước, đổi mới cung cách và lề lối làm việc, tiến hành cải cách hành chính, sắp xếp lại các doanh nghiệp và chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là việc làm bước đầu đã có kết quả khả quan. Đã xuất hiện mô hình công ty cổ phần trong ngành làm ăn có hiệu quả, đem lại niềm tin cho người lao động, đó là Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long. ►

► Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng của Bộ đã chủ động và làm tốt công tác được giao, làm việc việc đúng qui chế, kịp thời và có tinh thần trách nhiệm, có sự phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, địa phương có liên quan. Việc hướng dẫn, thông tin đầy đủ và kịp thời các chế độ, chính sách thi đua khen thưởng đã góp phần động viên tinh thần thi đua, sáng tạo trong lao động sản xuất cũng như kịp thời biểu dương, tôn vinh đúng người, đúng việc những tập thể và cá nhân tiêu biểu có đóng góp tích cực cho ngành. Công tác thi đua khen thưởng trong các đơn vị thuộc Bộ đã được quan tâm đúng mức và đã có được phong trào sôi nổi với tinh thần đổi mới.

Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các tổ chức Hội nghề nghiệp thuộc ngành cũng đã phát huy vai trò và trách nhiệm của mình trong việc cùng toàn ngành tạo ra phong trào thi đua sôi nổi và rộng khắp trong cả nước, đóng góp phần công sức xứng đáng vào thành tích thi đua chung của ngành.

Đại hội Thi đua ngành Thủy sản được tổ chức vào tháng 7 năm 2000 để biểu dương những tấm gương lao động xuất sắc, tiêu biểu trong toàn ngành, đồng thời là dịp để những người lao động gặp gỡ, trao đổi các kinh nghiệm, những cách làm hiệu quả có được từ phong trào thi đua, từ thực tiễn lao động, nghiên cứu, học tập, sản xuất kinh doanh của toàn ngành. Đây sẽ là dịp khơi dậy tiềm năng, phát huy nội lực, thế mạnh của ngành, cổ vũ và phát triển phong trào thi đua lao động sản xuất của lao động nghề cá cả nước, hướng ứng một cách thiết thực Đại hội thi đua toàn quốc lần thứ VI sẽ diễn ra tại Hà Nội cuối năm 2000 □

BỘ THỦY SẢN HỢP MẶT VỚI CÁC DOANH NGHIỆP THỦY SẢN CẢ NƯỚC

Ngày 10/6/2000, Đà Nẵng, Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc và Thứ trưởng Nguyễn Thị Hồng Minh đã chủ trì buổi gặp gỡ hơn 120 doanh nghiệp thủy sản trong các lĩnh vực từ khai thác, nuôi trồng đến chế biến xuất khẩu. Đặc biệt có sự tham dự của các đồng chí lãnh đạo các Hội nghề nghiệp thủy sản, giám đốc các Sở Thủy sản, lãnh đạo các Vụ chức năng của Bộ và các phóng viên, báo chí trong và ngoài ngành.

Thay mặt các doanh nghiệp thủy sản cả nước, các giám đốc doanh nghiệp đã phát biểu nêu rõ các yêu cầu bức xúc của doanh nghiệp về thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Với 18 đề xuất, chủ yếu tập trung vào các khó khăn, vướng mắc đối với việc thực hiện Luật doanh nghiệp như bãi bỏ các loại giấy phép gây cản trở cho hoạt động của doanh nghiệp, cơ chế chính sách đối với việc nhập nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu thủy sản, vấn đề bảo vệ nguồn lợi thủy sản và các khó khăn trong việc thực hiện thuế VAT, chính sách đối với lao động thủy sản đầy rủi ro, nguy hiểm và độc hại.

Phát biểu với các doanh nghiệp và lãnh đạo các Sở Thủy sản cùng toàn thể Hội nghị, Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc biểu dương những cố gắng vượt bậc của các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần quan trọng đối với sự nghiệp phát triển liên tục của ngành trong những năm qua. Nhân dịp kỷ niệm

2 năm thành lập Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản, Bộ trưởng đánh giá cao hoạt động của Hiệp hội 2 năm qua, góp phần tích cực trong việc mở rộng và ổn định thị trường xuất khẩu thủy sản. Trong thời gian tới, Bộ trưởng nhấn mạnh sự cấp thiết phải nâng cao hơn nữa hiệu lực và hiệu quả của quản lý nhà nước của Bộ và các Sở Thủy sản, coi đây là khâu đột phá trong cải cách hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động của các doanh nghiệp và quản lý thủy sản của ngành. Bộ trưởng ghi nhận và giải đáp thắc mắc của doanh nghiệp đối với quản lý nhà nước của Bộ từ xây dựng chế độ chính sách đến các vấn đề cụ thể về thực hiện thuế VAT, về nhập khẩu nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu, về công tác ổn định cấp chứng thư chất lượng cho các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản, chủ trương xây dựng các chợ cá tại một số khu vực trọng điểm... Đồng thời, Bộ trưởng động viên các doanh nghiệp không ngừng nâng cao tính chủ động sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời đề xuất các kiến nghị đối với quản lý nhà nước của Bộ, nhằm tạo tiếng nói chung mạnh mẽ giữa Bộ và doanh nghiệp vì sự phát triển, tăng trưởng bền vững của ngành thủy sản và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong tiến trình hội nhập, vững bước tiến vào thế kỷ 21 của ngành thủy sản nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. □

NGUYỄN VĂN NAM

ANH HÙNG LAO ĐỘNG **NGUYỄN THỊ KHUÛU :** (Được Nhà nước tuyên dương năm 1967)



Trong cuộc đời tôi kể từ lúc 15 tuổi đã theo cha mẹ đi biển, cho đến nay 68 tuổi, cái tuổi chêm sống lên gió cùng các anh các bác nam giới đã để lại cho tôi một kỉ niệm không bao giờ phai.

Vào khoảng tám giờ sáng tháng 4 năm 1967 đội thuyền Minh Khai trên đường ra khơi, buồm đang no gió nam, thì từ hướng bắc một tốp máy bay giặc Mỹ bổ nhào rải đạn 12 li 7 trúng thuyền, một số chị và vài cụ hoảng hốt đòi hạ buồm, nhưng tôi động viên xã viên bình tĩnh bám dây dòn lặn xuống sâu tránh đạn, rồi lại ngoi lên. Khi máy bay đi xa, tôi cùng chị em lại cho dòng thuyền tìm chà để câu. Cụ Núi trong thuyền nạt tôi: "O là gan có lồng" coi chừng có ngày "cục" với đạn tàu bay Mỹ. Tôi cười khuyên giải cụ yên tâm. Ngày mai thuyền chị em chúng tôi lại tiếp tục ra khơi bám biển. Khẩu hiệu của chị em tôi cũng như xã viên Hồng Mỹ: "Giặc Mỹ đánh khơi, ta câu lồng, giặc Mỹ đánh lồng ta lặn khơi".

... Đến nay tôi đã 68 tuổi, nhưng trong lòng tôi biển gọi cứ vang vọng. Còn sức lực, tôi vẫn đêm đêm tham gia đi biển với con cháu trong đội hình kinh tế biển gia đình, để góp chút tài hên sức mọn của mình trong đội quân làm chủ khai thác biển bạc làm giàu cho quê hương.

Tổ thuyền do con trai đầu dẫn dắt, tôi làm cố vấn khi vào lồng ra khơi làm nghề đánh bắt hải sản xuất khẩu..."

Báo Ninh 15/5/2000

(Trích báo cáo thành tích gửi Bộ Thủy sản)

BỘ TRƯỞNG TẠ QUANG NGỌC CÔNG TÁC TẠI VÙNG BIỂN QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA

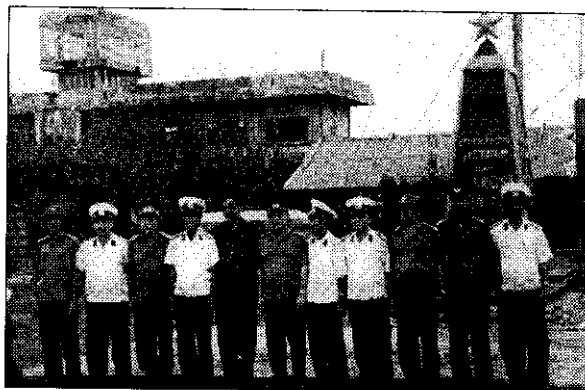
Cuối tháng 4 vừa qua, cùng với đoàn công tác các ngành, các đoàn thể, Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc đã đến thăm cán bộ chiến sĩ trên các đảo thuộc quần đảo Trường Sa. Tại 14 điểm đảo trên vùng biển Trường Sa và khu vực DKI, thay mặt hơn 3,5 triệu lao động nghề cá cả nước, Bộ trưởng đã thăm hỏi và tặng quà cán bộ chiến sĩ trên các đảo đang ngày đêm bảo vệ vững chắc vùng biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc, bảo đảm sự an toàn cho ngư dân hoạt động khai thác hải sản.

Tại vùng biển Trường Sa, Bộ trưởng cùng đồng chí Chủ tịch HĐQT Tổng công ty hải sản Biển Đông rất quan tâm xem xét khả năng tổ chức hậu cần dịch vụ tại một số cụm đảo và tổ chức sản xuất khai thác hải sản trên vùng biển rộng lớn và giàu tiềm năng này.

Tại đảo Phan Vinh, đảo Thuyền Chài và khu vực Bạch Hổ, Bộ trưởng đã gặp nhiều tàu khai thác xa bờ của ngư dân hoạt động, đã gặp gỡ bà con ngư dân bốn tàu đánh cá của Quảng Ngãi, Bình Thuận đang khai thác hải sản tại đảo Thuyền Chài. Bà con ngư dân đã phần khởi báo cáo với Bộ trưởng: Phần lớn các tàu khai thác tại vùng biển Trường Sa đều đạt hiệu quả kinh tế cao, như tàu số 1211 Quảng Ngãi, với công suất 33CV trong một đêm khai thác được 02 tấn cá có giá trị cao.

Bộ trưởng đã ân cần thăm hỏi, trao đổi và dặn dò bà con ngư dân chú ý trang bị tốt phao cứu sinh và các trang bị an toàn hàng hải, đồng thời chú trọng kết hợp đồng bộ giữa khai thác hải sản xa bờ với an ninh quốc phòng trên biển, góp phần cùng các chiến sĩ bảo vệ vững chắc chủ quyền vùng biển của Tổ quốc.

P.V.



Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc (người mặc thường phục) cùng với các chiến sĩ tại quần đảo Trường Sa

Ảnh: Nguyễn Văn Nam



I. MỘT TẬP THỂ ANH HÙNG:

Ra đời tháng 10/1976, ngay sau năm đất nước thống nhất, Xí nghiệp Quốc doanh đánh cá Kiên Giang, tiền thân của Công ty quốc doanh đánh cá Kiên Giang (Công ty QĐĐC Kiên Giang) sau này, đã trở thành đứa con đầu lòng, hải đoàn tiên phong của ngành thủy sản Kiên Giang.

Tròn 20 năm tuổi, năm 1996 Công ty QĐĐC Kiên Giang được Nhà nước phong tặng danh hiệu Đơn vị Anh hùng Lao động.

Gần 25 năm tuổi, tháng 4/2000 đơn vị lại được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động cho người "thuyền trưởng" tài ba của mình: Anh hùng Nguyễn Văn Tân, nguyên là giám đốc công ty, hiện là Phó chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang.

Trong bảng vàng truyền thống của Công ty QĐĐC Kiên Giang lấp lánh những tấm huân chương cao quý: Huân chương Lao động hạng ba, hạng nhì, hạng nhất; Huân chương Quân công hạng ba; Huân chương Chiến công hạng nhất; Huân chương Độc lập hạng ba, liên tục nhận cờ thi đua xuất sắc ngành thủy sản, cờ thi đua luân lưu của Chính phủ từ 1991 đến 1999; Tám cá nhân được tặng Huân chương Lao động; ba mươi cá nhân được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ...

Đặc biệt, trong mười năm đổi mới 1989-1999, Công ty đã lập những thành tích xuất sắc trên mặt trận kinh tế:

- Tổng sản lượng khai thác đạt: 211.377 tấn hải sản các loại.
- Tổng doanh thu: 595 tỉ 528 triệu đồng.

TẬP THỂ ANH HÙNG

- Nộp ngân sách: 51 tỉ 739 triệu đồng.

- Lợi nhuận: 47 tỉ 942 triệu đồng.

Nếu so sánh trên lĩnh vực khai thác hải sản ở Kiên Giang, Công ty QĐĐC Kiên Giang có 40 tàu sản xuất với công suất chỉ gần 5% trong tổng số trên 7.000 tàu đánh cá toàn tỉnh, nhưng sản lượng khai thác chiếm đến 20%, nộp ngân sách Nhà nước hàng năm chiếm 30%.

Nét độc đáo của Công ty QĐĐC Kiên Giang là, ngay từ 1986 với phương châm: "Phát triển kinh tế luôn kết hợp xây dựng củng cố an ninh quốc phòng" Hải đoàn tự vệ biển trực thuộc Công ty đã hình thành. Đây chính là một "hạm đội dân quân thép trên biển" đã góp phần giữ gìn chủ quyền vùng biển tây nam của Tổ quốc. Lực lượng xung kích này, hiện nay đang được tăng cường một số tàu thuyền có công suất lớn tham gia chương trình khai thác xa bờ của Chính phủ do Bộ Thủy sản trực tiếp chỉ đạo.

Suốt 25 năm xây dựng và trưởng thành, thành tích nổi bật, cũng là bài học quý giá của Công ty QĐĐC Kiên Giang là:

1/ Tổ chức bộ máy hợp lí, bồi dưỡng lực lượng cán bộ nòng cốt, đặc biệt là cán bộ trẻ, phát huy mọi khả năng cống hiến của người lao động, luôn quan tâm đến chính sách con người.

Bài học này thực sự phát huy hiệu quả trong 10 năm đổi mới vừa qua, được đánh dấu bằng mốc thời gian năm 1989 khi UBND tỉnh Kiên Giang quyết định thay đổi toàn bộ đội ngũ lãnh đạo của Công ty (đồng chí Nguyễn Văn Tân được đề bạt giám đốc, thay đồng chí Huỳnh Văn Ve nghỉ hưu). Tiếp sau đồng chí Nguyễn Văn Tân, Công ty đã có kế hoạch bồi dưỡng hàng loạt cán bộ trẻ kế cận, có trình độ năng lực, nhiệt tình năng nổ trong công tác như Lê Văn Năm (hiện nay là Giám đốc Công ty), Võ Văn Kiểu (thuyền trưởng tàu HD 170) Với phương châm: "Lấy năng suất chất lượng và hiệu quả công tác làm thước đo" Công ty đã tạo lập được sự công bằng trong thu nhập, kích thích người lao động. Lương bình quân cho người lao động liên tục tăng từ 120.000 đồng/người/tháng (1985) đến 875.000 đồng (1995) và hiện nay: 1.476.000 đồng/người/tháng. Để đảm bảo đời sống ngày càng cải thiện cho hơn 700 lao động như ở Công ty QĐĐC Kiên Giang là cả một nỗ lực phấn đấu rất đáng biểu dương.

2/ Tổ chức sản xuất kinh doanh giỏi. Hoà nhập

nhanh với cơ chế thị trường.

Mốc đánh dấu sự chuyển đổi trong phương thức sản xuất kinh doanh của Công ty QĐĐC Kiên Giang bắt đầu từ 1989, Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung thanh lí những phương tiện tàu thuyền xuống cấp nặng để tập trung vốn sửa chữa, nâng cấp những phương tiện làm ăn có hiệu quả. Thực hiện cơ chế một giá, mở hướng tiêu thụ sản phẩm ra thị trường nước ngoài. Nhiều năm liền duy trì phương thức trực tiếp xuất khẩu hải sản cho Thái Lan, nhập vật tư máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất. Nhiều cơ sở sản xuất mới được xây dựng: Phân xưởng sửa chữa và đóng mới tàu thuyền An Hoà có khả năng sửa chữa tàu 140 tấn, hàng năm sửa chữa được từ 190-200 tàu. Gần đây, để triển khai chương trình đánh bắt xa bờ, Công ty đã đầu tư trên 10 tỉ đồng đóng mới 4 tàu có công suất 500CV, đầu tư 10 tỉ đồng xây dựng khu hậu cần nghề cá tại huyện Cồn Giò thành phố Hồ Chí Minh, đầu tư xây dựng phân xưởng nhựa sản xuất khay đựng cá, Công ty đang triển khai việc tái đầu tư sản xuất, thực hiện qui hoạch sản xuất khép kín.

3/ Vừa sản xuất kinh doanh, vừa góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng trên vùng biển.

Đây là một thế mạnh và là nét đặc thù của Công ty QĐĐC Kiên Giang. Nếu tính từ 1986, năm Hải đoàn bảo vệ biển thuộc Công ty được thành lập, tới nay, thành tích bảo vệ an ninh vùng biển của Công ty đã được ghi nhận bằng các Huân chương Quân Công, Chiến công cao quý. Trong tình hình nhiệm vụ chống buôn lậu, cướp biển ngày càng phức tạp hiện nay, bài học về tinh thần vừa sản xuất vừa chiến đấu này thực sự có ý nghĩa.

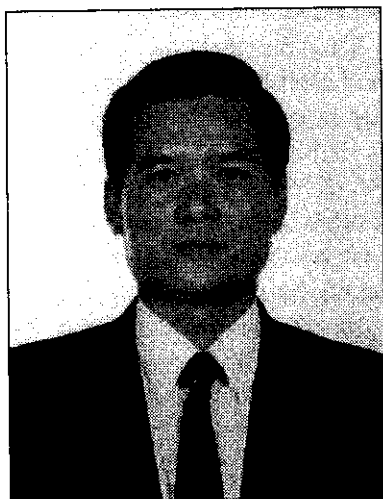
4/ Xây dựng tổ chức Đảng vững mạnh, phát huy sức mạnh các đoàn thể (đoàn thanh niên, công đoàn) tập hợp và thu hút người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Công ty, đó là bí quyết nhằm đảm bảo cho đơn vị không ngừng phát triển và trưởng thành.

Thực tế đã chứng minh: từ một chi bộ Đảng yếu kém những năm đầu, số lượng đảng viên ít, qua 10 năm đổi mới, đến nay Đảng bộ Công ty đã có lực lượng đảng viên tinh nhuệ, nhiều năm liền là "Đảng bộ cơ sở trong sạch vững mạnh". Đây chính là hạt nhân đoàn kết, hạt nhân lãnh đạo, đưa Công ty liên tục giành thắng lợi trên mặt trận sản xuất và bảo vệ an ninh quốc phòng.

II. NHỮNG CÁ NHÂN TIÊU BIỂU

1/ NGUYỄN VĂN TÂN :

Người Anh hùng của vùng biển Tây Nam



Cuối năm 1988, Nguyễn Văn Tân được cử làm giám đốc Công ty QĐĐC Kiên Giang, cũng từ đây Công ty có bước ngoặt mới. Anh thực sự là người chỉ huy hạm tàu tài ba, con chim đầu đàn hải cánh trên biển đông.

Thành tích nổi bật của anh là :

- Năng động sáng tạo, nhạy bén trong thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế mới. Thường xuyên suy nghĩ, tính toán, thay đổi phương thức sản xuất mới, thay đổi cơ cấu ngành nghề phù hợp với tình hình thực tiễn SXKD, tạo điều kiện cho sản xuất ổn định và phát triển.

- Mạnh dạn chuyển đoàn tàu tập trung khai thác ở ngư trường biển Đông theo chủ trương của Chính phủ và của ngành, nhằm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, áp dụng các biện pháp quản lý, biện pháp kinh tế, kỹ thuật, tiết kiệm chi phí trên mọi lĩnh vực sản xuất cũng như trong lưu thông. Giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất tăng lợi nhuận hàng năm.

- Mạnh dạn đầu tư bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ nòng cốt, cán bộ đương nhiệm, cán bộ kế cận, từ ít đến nhiều đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, đủ sức lãnh đạo điều hành, quản lý các hoạt động SXKD. Quan tâm đầu tư nâng cấp các phương tiện tàu thuyền, trang bị kỹ thuật hoàn chỉnh, mạnh dạn đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, xây dựng cơ sở

hậu cần, phục vụ sản xuất ngày càng tốt hơn. Công ty đã và đang đi vào chu trình sản xuất khép kín.

- Trong SXKD, không chạy theo lợi ích cục bộ. Làm ảnh hưởng đến cái chung, đặc biệt là không tham gia buôn lậu, cương quyết chống buôn lậu trốn thuế dưới mọi hình thức trong toàn đơn vị và trên vùng biển. Từ hiệu quả SXKD, góp phần chống các biểu hiện tiêu cực, khắc phục được tình trạng ăn cắp của công, lãng phí thời gian làm việc. Quan tâm chăm lo đến đời sống CBCNV, nâng cao thu nhập, duy trì việc làm, ổn định cuộc sống. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách nhà nước, lãnh đạo đơn vị làm ăn đúng hướng đạt hiệu quả, lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước, có tích lũy đầu tư mở rộng sản xuất, từng bước hội nhập đứng vững trong cơ chế thị trường.

Trong 10 năm đổi mới của Đất nước, Nguyễn Văn Tân đã có những nỗ lực vượt bậc. Ngày 28/4/2000 anh đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.

Hiện nay Anh hùng Lao động Nguyễn Văn Tân là Phó chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang.

2. Giám đốc LÊ VĂN NĂM :

Người đang đứng mũi chịu sào



Tháng 10/1977 anh thanh niên huyện Gò Quao, Kiên Giang tình nguyện đầu quân Xí nghiệp QĐĐC Kiên Giang, làm ngư phủ. Chỉ 3 năm sau đã được tin nhiệm bầu làm thuyền trưởng tàu đánh cá. Nhiều năm được tặng danh hiệu người sản xuất giỏi, là con chim

(Xem tiếp trang 13)

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG:

CÁ BA SA TỪ SÔNG TIỀN, SÔNG HẬU ĐI RA THẾ GIỚI

● NGUYỄN BÁ SƠN



*Phân xưởng
nuôi cá giống
Ba Sa của
Công ty Xuất
nhập khẩu thủy
sản An Giang*

Lầu nay, các phương tiện thông tin đại chúng thường đưa tin về hiện tượng nuôi cá bè ở lưu vực sông Mê Kông như cá ba sa, cá tra xuất khẩu với phong trào sôi động, hình thành một nghề mới đầy tiềm năng cho bà con ngư dân. An Giang là tỉnh có số lượng bè cá nuôi nhiều nhất nước, khoảng 2.400 bè nuôi cá, tạo công ăn việc làm cho hàng vạn lao động. Có mấy ai biết được để có các làng cá bè như hiện nay là nhờ mô hình độc đáo “gắn nguồn nguyên liệu với sản xuất chế biến xuất khẩu thủy sản” đã được Công ty XNK thủy sản An Giang nghiên cứu và thực hiện thành công. Mười năm qua, Công ty XNK

thủy sản An Giang đã thực hiện thành công mô hình này với những kết quả đáng khích lệ. Công ty đã cho sinh sản nhân tạo thành công giống cá ba sa đầu tiên trên thế giới (ngày 20/5/1995), đến năm 1999 đã có thể cung cấp 100 triệu cá bột ba sa, cá tra cho người nuôi; sau đó thu mua lại cá thương phẩm, chế biến và xuất khẩu, đưa sản phẩm cá ba sa, cá tra từ chỗ chưa có vị trí trên thị trường cá phi lê đến chỗ chiếm được vị trí cá phi lê chất lượng cao tại các siêu thị, nhà hàng ở các nước khó tính về chất lượng như Mỹ, châu Á, EU, Úc.... Sản phẩm này đã có thể được xem là trội hơn so với Catfish của Mỹ. Điều đặc biệt là cá ba sa ►

► đã được thị trường thế giới ghi nhận, bảng giá cá ba sa đã được đăng chính thức trên Tạp chí Thủy sản quốc tế với tên gọi thương mại là Me Kong ba sa. Đặc biệt, từ thành công của mô hình này với công nghệ khép kín từ sản xuất con giống, nuôi, chế biến xuất khẩu đã kéo theo giải quyết việc làm cho hơn 4 vạn lao động với các nghề mới hình thành như: ương nuôi cá giống, vận chuyển, xây dựng làng bè.... Hiện nay nghề cá bè đang phát triển rất mạnh, sản lượng hàng năm đạt hơn 40.000 tấn/năm.

Đó chỉ là một điểm son trong bảng vàng thành tích của Công ty XNK thủy sản An Giang qua 10 năm đổi mới. Suốt 10 năm liền từ 1990-1999, CBCNV công ty đã từng bước phấn đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước với tốc độ tăng trưởng cao, nhiều năm liền là đơn vị dẫn đầu ngành thủy sản và là một trong những đơn vị đứng đầu tỉnh An Giang về năng suất, chất lượng, hiệu quả. Đời sống CBCNV ổn định, nguồn vốn được bảo tồn và phát triển. So với năm 1990, tổng doanh thu của công ty năm 1999 đạt 345 tỉ đồng, tăng 11 lần; nộp ngân sách nhà nước 7,45 tỉ tăng gấp 10 lần; lợi nhuận đạt 24,48 tỉ tăng 11,3 lần; kim ngạch xuất khẩu đạt 27 triệu USD tăng gấp 7 lần; thu nhập bình quân người lao động đạt 2.104.000 đồng/tháng tăng gấp 15,5 lần so với 1990. Công ty cũng là một trong 18 doanh nghiệp đầu tiên được Cộng đồng châu Âu đưa vào danh sách nhóm 1 các doanh nghiệp được phép xuất khẩu thủy sản vào các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU).

Hôm nay nhìn lại mới thấy hết nỗi gian truân, mới thấm thía những công sức, nỗ lực của tập thể CBCNV công ty, những khó khăn, trở ngại mà Công ty XNK thủy sản An Giang đã vượt qua bằng nội lực của chính mình. Thành lập tháng 3/1987, buổi đầu cơ sở vật chất thiết bị thiếu thốn, lạc hậu, trình độ lao động thấp, công ty hoạt động trong cơ chế bao cấp không kích thích được khả năng sáng tạo, chủ động kinh doanh. Khoảng thời gian 1990-1994 là bước đệm trong quá trình phát triển của công ty. Thời kỳ này Công ty XNK thủy sản An Giang hoạt động trên cơ sở sáp nhập những xí nghiệp làm ăn thua lỗ, tuy vậy đã được thực hiện cơ chế tự hạch toán, tự cân đối đầu vào và tìm kiếm thị trường tiêu thụ. Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất những sản phẩm phù hợp với tiềm năng nguyên liệu sẵn có của địa phương. Nhờ đó sản xuất dần được ổn định. Hai năm 1996-1997, do nhiệm

vụ chính trị được giao là phải thu mua hết lượng nguyên liệu tồn đọng trong dân bởi người nuôi cá nhiều, cung vượt quá cầu, công ty lâm vào khủng hoảng thừa nguyên liệu (năm 1997 thừa hơn 1.000 tấn cá thành phẩm), tưởng chừng công ty đã ở bên bờ vực phá sản. Từ cuối năm 1997, được sự quan tâm của Bộ Thủy sản, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh An Giang, cộng với sự cố gắng nỗ lực của CBCNV, công ty đã phát triển vượt bậc, không những hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, kinh tế được giao mà còn vượt mức kế hoạch, tốc độ tăng trưởng cao, trở thành đơn vị xuất sắc của ngành thủy sản.

Đạt được những kết quả đó, công ty đã thực thi những biện pháp hữu hiệu:

Một là, *Tiếp thị và nắm bắt nhu cầu thị trường*. Công ty đã xác định chiến lược marketing là quan trọng hàng đầu, từng bước đưa sản phẩm của công ty hội nhập với các nước, không ngừng mở rộng quan hệ mua bán với các nước trên thế giới, đặc biệt chú trọng những thị trường có tiềm năng tiêu thụ lớn như EU, Bắc Mỹ.

Hai là, *tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ tay nghề người lao động, trình độ quản lý*, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất, giảm định mức, hạ giá thành sản phẩm để đủ sức cạnh tranh. Trong quá trình phát triển, công ty đã không ngừng đầu tư cơ sở vật chất, nhà xưởng theo yêu cầu mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ tạo ra sản phẩm có chất lượng cao. Tính đến năm 1999 đã đầu tư 6 tỉ đồng, trong đó chủ yếu đầu tư đổi mới thiết bị, đưa công nghệ tiên tiến vào sản xuất, đang dạng hóa mặt hàng, tăng khả năng cạnh tranh. Các thiết bị, công nghệ mới như: tủ hầm đông, băng chuyền xoắn cho ra sản phẩm IQF có chất lượng tốt và giá trị cao. Nhờ đó năng suất lao động tăng lên không ngừng, năm 1990, thành phẩm sản xuất được 4 tấn/ngày, đến 1999 đã sản xuất được 20 tấn thành phẩm/ngày. Hiện công ty đang thực hiện chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP và đã được nhà nhập khẩu Mỹ chấp nhận, công ty cũng là một trong 18 doanh nghiệp đầu tiên được đưa vào danh sách nhóm 1 các nhà chế biến xuất khẩu thủy sản vào EU. Công ty đang xây dựng dự án áp dụng tiêu chuẩn SQF 2000CM để tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm hơn nữa.

► Việc tổ chức quản lý, chỉ đạo sản xuất cũng được công ty rất chú trọng. Công ty đã triển khai đồng bộ, xây dựng hệ thống định mức lao động, chế độ lương khoán, ban hành các Quy chế quản lý kho, kiểm kê sắp xếp theo qui định HACCP, Quy chế về an toàn vệ sinh lao động, Quy chế quản lý thức ăn và cá nuôi bè.... Bố trí phân công lực lượng lao động hợp lý cho từng khâu, không ngừng đào tạo nâng cao trình độ tay nghề cho CBCNV. Phát động phong trào thi đua lao động sản xuất hàng năm, tăng năng suất lao động. Chế độ của người lao động luôn được công ty quan tâm chăm lo đầy đủ, nộp đủ các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, đảm bảo bữa ăn giữa ca, thành lập phòng y tế ở các nhà máy, hàng năm tổ chức cho CBCNV tham quan, du lịch. Nhờ giải quyết

tốt đời sống nên CBCNV đã thực sự an tâm lao động sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, năng suất lao động hàng năm tăng bình quân 20-30%.

Công ty cũng là một trong những doanh nghiệp làm tốt công tác xã hội, hàng năm đều thăm và tặng quà, giúp đỡ người già neo đơn không nơi nương tựa, trẻ mồ côi, khuyết tật, đồng bào nghèo vùng xa vùng sâu, cựu chiến binh... với số tiền hàng trăm triệu đồng mỗi năm. Công ty cũng đã xây dựng 13 căn nhà tình nghĩa trị giá 142 triệu đồng.

Với thành tích đặc biệt xuất sắc, ngày 28/4/2000 vừa qua, Công ty XNK thủy sản An Giang đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Đơn vị Anh hùng Lao động. □

đầu đàn của đội quân khai thác hải sản, được bầu làm đoàn trưởng đoàn tàu.

Vừa lao động, vừa tích lũy kinh nghiệm, tích cực học hỏi, đã tốt nghiệp đại học, bằng cử nhân kinh tế thủy sản. Năm 1995 được đề bạt phó giám đốc Công ty QĐĐC Kiên Giang, rồi thay đồng chí Nguyễn Văn Tân làm giám đốc Công ty QĐĐC Kiên Giang. Liên tục phát huy sáng kiến, đặc biệt là những sáng kiến trong chỉ đạo hoạt động doanh nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế cao:

- Sáng kiến chỉ đạo chuyển đổi, mở rộng ngư trường khai thác hải sản (thực hiện chủ trương khai thác xa bờ của Chính phủ, chỉ đạo đưa đoàn tàu lớn của Công ty với 35 chiếc có công suất 450-650CV đi chuyển ra khai thác ngư trường Biển Đông).

- Sáng kiến trong chỉ đạo đóng mới và sửa chữa phương tiện tàu thuyền phục vụ chương trình khai thác xa bờ.

- Sáng kiến chỉ đạo phát triển sản xuất theo chu trình khép kín.

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN KIÊN GIANG...

(tiếp theo trang 10)

3. **VÕ VĂN KIỂU** : Thuyền trưởng tàu HD 170 lừng danh



Từ khi được phân công làm thuyền trưởng tàu HD 170, thuộc đoàn tàu cào lớn của Công ty, luôn đưa con tàu trở thành đầu tàu - luôn luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Nếu như trước, thời gian cho một chuyến biển là 25-30 ngày, nay giảm xuống còn 12-15 ngày, sản lượng từ

45-50 tấn, nay lên 75-80 tấn một chuyến biển. Giảm chi phí hàng chục nghìn tấn dầu cho từng chuyến biển. Lợi nhuận chuyến biển tăng từ 40-50 triệu.

Từ 1996 - 1999, tàu HD 170 do Võ Văn Kiểu làm thuyền trưởng luôn đạt chỉ tiêu cao.

1996: Khai thác 1.053 tấn, doanh thu 1.386.000.000 đồng, thu lợi nhuận cho Công ty là 347 triệu đồng.

1997: Khai thác 1.350 tấn, doanh thu 1 tỉ 570 triệu, lợi nhuận 683 triệu.

1998: Mặc dù bão số 5 tàn phá vẫn khai thác 1.522 tấn, doanh thu 1 tỉ 981 triệu, lợi nhuận 778 triệu.

1999: Khai thác 1.134 tấn, doanh thu 1 tỉ 428 triệu, lợi nhuận 444 triệu

Hiện nay bình quân thu nhập mỗi công nhân trên tàu 2.500.000 đồng/tháng.

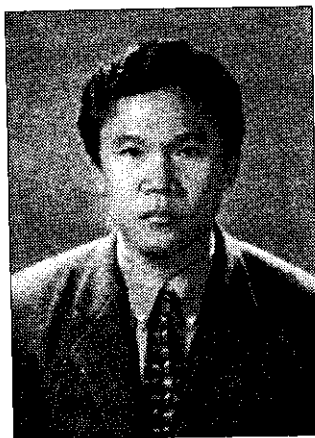
Năm 1999 Võ Văn Kiểu được bầu là lao động giỏi của ngành thủy sản, được đi gặp mặt Chủ tịch nước tại Hà Nội. □

PHẠM MẠNH HOẠT

Giám đốc giỏi

MIỀN TRUNG

● SƠN BÀ



Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung là đơn vị có doanh số hàng năm gần 1.000 tỉ đồng, số lao động thường xuyên hơn 1.500 người với nhiều ngành nghề khác nhau. Trong cơ chế thị trường nhiều khó khăn, phức tạp nhưng đơn vị đã không ngừng phát triển vươn lên, doanh số năm sau cao hơn năm trước, lãi ngày một tăng, đóng góp cho nhà nước ngày một nhiều. Năm 1999, doanh thu công ty đạt 1.050 tỉ đồng, nộp ngân sách nhà nước 55 tỉ, lợi nhuận 6 tỉ, giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 26,5 triệu USD, là một trong những đơn vị dẫn đầu về xuất khẩu thủy sản.

Thành công của Công ty XNK thủy sản Miền Trung công đầu thuộc về đội ngũ lao động của công ty, đội ngũ cán bộ quản lý giỏi mà giám đốc Phạm Mạnh Hoạt đã góp sức không nhỏ. Từ năm 1996, anh Phạm Mạnh Hoạt được bổ nhiệm làm giám đốc công ty. Thời điểm này ngành thủy sản đang đà phát triển, tuy vậy sự cạnh tranh trên thương trường diễn ra quyết liệt, khó khăn trở ngại không ít. Anh đã phát huy năng lực của mình, lãnh đạo công ty từng bước đi lên trong cơ chế thị trường, trở thành một trong những đơn vị xuất sắc nhất ngành thủy sản.

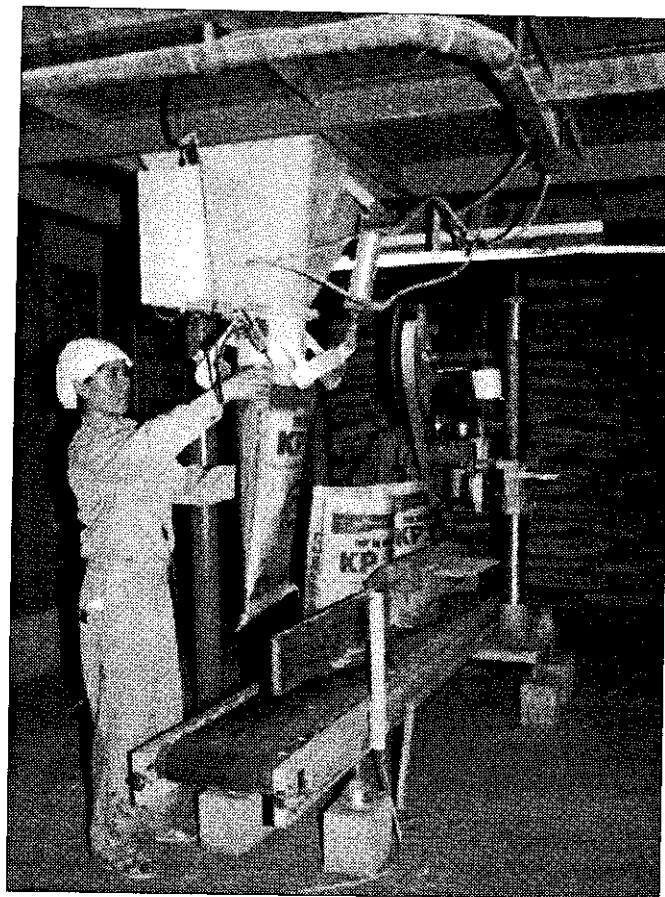
Thời kì này đang diễn ra sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường chế biến xuất khẩu thủy sản của các doanh nghiệp trong nước cũng như trong khu vực. Mặc dù lúc đó Công ty XNK thủy sản Miền Trung đang có thị trường xuất khẩu khá ổn định với giá trị kim ngạch xuất khẩu năm 1995 đạt 15 triệu USD, nhưng anh nghĩ nếu không kịp thời mở rộng thị trường, công ty có nguy cơ giảm kim ngạch xuất khẩu, sản xuất kinh doanh sẽ gặp khó khăn lớn. Xác định đúng điều đó, anh đã đề xuất, bàn bạc với Ban giám đốc công ty cho xuất khẩu tôm sú vào thị trường Mỹ, tạo ra cú đột phá quyết định về thị trường xuất khẩu của công ty. Trong lúc quan hệ Việt - Mỹ thời điểm này chưa có nhiều thuận lợi, các doanh nghiệp Việt Nam không thể xuất trực tiếp vào Mỹ, anh đã có phương án thông qua chi nhánh tại Hồng Kông của một công ty lớn của Mỹ để đưa hàng vào thị trường này. Càng ngày, sản phẩm của công ty đã chiếm được niềm tin của khách hàng, doanh số xuất khẩu ngày càng lớn. Nếu như giá trị kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Mỹ của công ty năm 1995 chỉ là 0,7 triệu USD thì đến năm 1999, con số này đã là 12 triệu USD, chiếm tỉ trọng 10% hàng thủy sản Việt Nam xuất khẩu vào Mỹ. Với mục tiêu đa dạng hoá sản phẩm thủy sản xuất khẩu, anh đã nghiên cứu và đưa cá chuồn sang Nhật Bản, năm 1998 công ty xuất khẩu được 100 tấn sản phẩm hoàn chỉnh, năm 1999 xuất khẩu hơn 100 tấn vào Nhật, đó là kết quả bước đầu đáng khích lệ, mở ra triển vọng cho những năm tiếp theo.

Để có thể ổn định nguyên liệu sản xuất, anh đã xác định phải liên kết với người nuôi tôm. Từ đó ►

► công ty đã cho sinh sản nhân tạo tôm sú, làm dịch vụ con giống và sản xuất thức ăn, thuốc chữa bệnh tôm cho người nuôi. Mỗi năm công ty cung cấp gần 200 triệu con tôm bột, tôm giống cho khu vực duyên hải miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long. Giống tôm sú của Công ty XNK thủy sản Miền Trung đã được người nuôi tôm cả nước biết đến và dần khẳng định uy tín trên thị trường. Công ty cũng đã đầu tư sản xuất thức ăn nuôi tôm công nghiệp. Sản phẩm thức ăn nuôi tôm hiệu KP 90 của công ty được người nuôi tôm cả nước biết đến và tin dùng bởi giá cả thấp, chất lượng cao tương đương sản phẩm nhập ngoại. Năm 1999, công ty đã sản xuất và cung cấp cho dân 7.000 tấn thức ăn KP 90. Năm 2000, công ty đã có kế hoạch xây dựng thêm nhà máy mới ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long để có thể cung cấp khoảng 15.000 tấn sản phẩm theo yêu cầu người nuôi tôm.

Lực lượng cán bộ giỏi là yếu tố quan trọng góp phần vào sự phát triển của công ty. Vấn đề đào tạo và đào tạo lại cán bộ được giám đốc Hoạt rất chú trọng. Trong những năm qua công ty đã đào tạo được gần 100 cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, đáp ứng được yêu cầu về năng lực, trình độ phục vụ sản xuất kinh doanh (sau đại học 2 người, 30 người có bằng đại học

thứ 2, 40 công nhân thợ bậc 5 trở lên...). Trong sử dụng, quản lý con người, anh quan tâm lo lắng đến đời sống của CBCNV, chế độ đãi ngộ đối với người lao động, bố trí đúng người đúng việc theo khả năng, trình độ, mạnh dạn cải tiến



Công ty phát triển nguồn lợi thủy sản (thuộc Seaprodex Đà Nẵng) tích cực thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội thi đua ngành thủy sản và Đại hội thi đua toàn quốc

tiến lương để người lao động an tâm sản xuất, tránh chảy chất xám ra ngoài, khen thưởng động viên kịp thời. Do vậy số lao động giỏi của công ty ngày một tăng lên, thu nhập người lao động cũng được tăng dần. Năm 1999, thu nhập bình quân người lao động đạt 900.000 đồng/tháng.

Vừa là giám đốc, anh còn là Bí

thư Chi bộ của công ty với trên 100 đảng viên. Trong 5 năm qua, Đảng bộ công ty đã phát triển không ngừng, đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất của Đảng xuyên suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên của công ty cũng đều là những cơ sở vững mạnh, thường xuyên tổ chức các phong trào thi đua lao động sản xuất, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất, hiệu quả lao động. Tích cực hưởng ứng các phong trào đến ơn đáp nghĩa, ủng hộ quỹ từ thiện.... Hiện nay công ty nhận phụng dưỡng 15 bà mẹ Việt Nam Anh hùng, hàng năm đều ủng hộ trường mù, trẻ em cơ nhỡ, thăm người già không nơi nương tựa.

Chín năm làm giám đốc, từ Xí nghiệp Thủy đặc sản số 10, Công ty xây lắp và dịch vụ xây lắp miền Trung - những nơi anh lãnh đạo trước đây đến Công ty XNK thủy sản miền Trung, ở đâu anh cũng được mọi người yêu quý, tín nhiệm. Với những thành tích nổi bật trong quá trình lãnh đạo, anh đã được nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba (1998), nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thủy sản, năm 1999 anh là chiến sĩ thi đua ngành thủy sản. □

CÔNG TY CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI

NƯỚC MẮM CÁT HẢI

Hương vị biển Hải Phòng

MINH HOÀNG



Công ty Chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải, Hải Phòng được thành lập tháng 10/1959, lúc đó có tên gọi là Xí nghiệp nước mắm Cát Hải. Công ty được hình thành từ 57 hộ tư sản, tiểu chủ chuyên sản xuất nước mắm gộp lại. Qua hơn 40 năm hình thành và phát triển, công ty đã trải qua những bước thăng trầm. 40 năm đó là cả một chặng đường đầy cam go, thử thách. Trong 20 năm trở lại đây, công ty đã có bước tiến vượt bậc, từ doanh nghiệp Nhà nước hạng III, đến nay Công ty dịch vụ thủy sản Cát Hải là doanh nghiệp Nhà nước hạng I trực thuộc Sở Thủy sản Hải Phòng. Sản phẩm “Nước mắm Cát Hải” đã có tiếng nói trên thị trường, 4 lần đạt Huy chương vàng tại các Hội chợ triển lãm, lần gần đây nhất sản phẩm “Nước mắm Cát Hải” đạt Huy chương vàng tại Hội chợ hàng tiêu dùng Việt Nam chất lượng cao năm 1999 và Hội chợ thương mại Quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam EXPO’99.

Thời kì đầu thành lập, Xí nghiệp nước mắm Cát Hải

(tiền thân của Công ty dịch vụ Thủy sản Cát Hải) gặp phải nhiều khó khăn thách thức. Nhân lực vừa thiếu vừa yếu, sản phẩm nước mắm không phải là mặt hàng dễ kinh doanh, thiếu vốn, thiếu nguyên liệu sản xuất, thiết bị nhà xưởng xuống cấp không có vốn để đầu tư cải tạo, xí nghiệp hoạt động trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp không kích thích được khả năng sáng tạo. Suốt mấy chục năm, xí nghiệp vừa sản xuất kinh doanh vừa xây dựng tổ chức, kiện toàn bộ máy. Đến nay, Xí nghiệp nước mắm Cát Hải đã phát triển thành Công ty Dịch vụ thủy sản Cát Hải với 2 xí nghiệp thành viên, 1 trung tâm giao dịch tiêu thụ sản phẩm, 1 cửa hàng kinh doanh dịch vụ tổng hợp. Đặc biệt Công ty đã có hơn 50 đại lý, cửa hàng tiêu thụ sản phẩm ở các tỉnh phía Bắc, nhờ đó sản phẩm nước mắm của công ty đã được đưa đến tận tay người tiêu dùng, được khách hàng cả nước biết đến và tin nhiệm. Nhân sự công ty hiện nay cũng lớn mạnh với 230 CBCNV trong đó có đến 65 đảng viên, là lực lượng ►

► nòng cốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Nhân sự đông nhưng bộ máy quản lý của công ty lại gọn nhẹ với 1 giám đốc và 1 phó giám đốc, 5 phòng nghiệp vụ với bộ máy gián tiếp nhỏ gọn. Có lẽ đó cũng là nguyên nhân dẫn đến thành công của công ty. Chính con người là yếu tố quan trọng nhất đã đưa đến thành công của Công ty Dịch vụ thủy sản Cát Hải. 220/230 CBCNV của công ty đã được ký hợp đồng dài hạn, điều đó làm gắn kết lợi ích của công ty với lợi ích người lao động, thúc đẩy họ tích cực sản xuất kinh doanh, hăng hái thi đua lao động sản xuất, phát huy sáng kiến, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động. Nhờ thế, công ty đã duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh đều đặn, hoàn thành kế hoạch Nhà nước giao. Mặc dù vậy, cho đến những đầu thập kỷ 80, tình trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vẫn chưa thoát ra được khỏi được sự trì trệ, không có được cú đột phá mạnh cần thiết để phát triển. Trước tình hình đó, Ban giám đốc đã tập trung trí tuệ phân tích năng lực của đơn vị, xác định lấy nhu cầu của thị trường trên cơ sở đó đề ra chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp. Trước hết là sắp xếp lại tổ chức, kiện toàn bộ máy, tinh giảm biên chế với cơ chế điều hành trực tiếp chủ động. Công ty dựng phương án sản xuất kinh doanh mới, đổi mới phương thức quản lý, phát huy tinh thần làm chủ tập tập trong CBCNV, huy động và tận dụng mọi nguồn vốn vào phục vụ sản xuất, khai thông luồng thu mua nguyên liệu để có đủ nguyên liệu cho sản xuất. Khuyến khích phong trào phát huy sáng kiến, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Quản lý chặt chẽ tiền vốn và vật tư, chống thất thoát, lãng phí, phấn đấu hạ giá thành sản phẩm để cạnh tranh. Để giải quyết khó khăn về vốn, công ty đã huy động vốn vay từ CBCNV, bảo toàn sử dụng hợp lý và phát triển vốn lưu động, đến năm 1992 công ty đã có nguồn vốn lưu động 3,6 tỉ đồng, đến 1999 nguồn vốn này đã là 8,5 tỉ đồng. Công ty xây dựng phương thức chia tiền lương, tiền thưởng cho người lao động hợp lý theo kết quả nhiệm vụ được giao. Nhờ biện pháp này đã khơi dậy được lòng hăng say lao động, nhiệt tình công tác của mỗi cá nhân Phong trào xây dựng Tổ đội lao động XHCN được củng cố, các vụ việc tiêu cực giảm rõ rệt. Phong trào phát huy sáng kiến phát triển mạnh trong toàn công ty. Chỉ tính trong 10 năm 1990-1999 CBCNV đã có 135 sáng kiến cải tiến kỹ thuật được áp dụng vào sản xuất, giá trị làm lợi hàng trăm triệu đồng. Các sáng kiến tiêu biểu là : *Sáng kiến cải tiến phương pháp vận chuyển nước mắm bằng can nhựa sang vận chuyển bằng téc, đảm bảo an toàn, giảm chi phí, giảm hao hụt từ 1,5% xuống còn 0,5%*, sáng kiến này đã được Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam cấp bằng Lao động sáng tạo; *Sáng kiến chế biến các loại bằng phương pháp gài nén toàn phần thay cho phương đánh quậy trước đây,*

nâng cao chất lượng sản phẩm, rút ngắn thời gian chế biến, tạo vòng quay nhanh; Sáng kiến cải tiến mẫu mã, bao bì, đa dạng hóa sản phẩm, tăng cường đóng nắp chai loại cao đậm.... Nhờ những sáng kiến này, năng suất lao động, chất lượng sản phẩm tăng lên không ngừng, mẫu mã bao bì hàng hóa được cải tiến đa dạng, được khách hàng ưa chuộng. Doanh số công ty ngày một tăng, lãi ngày một nhiều, đời sống CBCNV cũng được cải thiện. Trong 10 năm 1990-1999, sản lượng nước mắm các loại đạt 35,4 triệu lít, giá trị tổng sản lượng đạt 84,8 tỉ đồng, nộp ngân sách Nhà nước 4,82 tỉ đồng, lợi nhuận 2,2 tỉ đồng, thu nhập bình quân người lao động hàng năm tăng từ 15-20%. Năm 1999 giá trị tổng sản lượng của công ty đạt 12,95 tỉ đồng, nộp ngân sách 882 triệu đồng, thu nhập bình quân người lao động 634.000 đồng/người/tháng. Trong cơ chế thị trường diễn ra sự cạnh tranh khốc liệt, mặt hàng nước mắm đã có nhiều công ty, xí nghiệp ở miền Nam sản xuất, có uy tín với khách hàng cả nước, vậy mà 1 doanh nghiệp ở miền Bắc đạt được những kết quả như vậy là đáng ghi nhận. Hiện nay, thương hiệu “nước mắm Cát Hải” đã được người tiêu dùng cả nước biết đến, nhất là khách hàng khu vực miền Bắc. Đặc biệt công ty đã xuất khẩu sản phẩm nước mắm của mình sang thị trường nước ngoài, tuy chỉ là bước đầu với số lượng hạn chế nhưng đã mở ra một triển vọng cho công ty trong những năm tới.

Với mục tiêu kế thừa và phát huy truyền thống anh hùng của công ty, duy trì và phát triển sản xuất, công ty thường xuyên tái đầu tư mở rộng sản xuất, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm. Từ năm 1996, công ty đã là thành viên chính thức của tổ chức EAN-VN, đưa mã số vạch vào quản lý chất lượng sản phẩm. Sản phẩm của công ty được bầu chọn là một trong 200 sản phẩm đứng đầu về chất lượng toàn quốc đạt tiêu chuẩn quốc gia. “Nước mắm Cát Hải” trở thành mặt hàng đặc sản của thành phố Hải Phòng, là niềm tự hào của người dân thành phố hoa phượng đỏ. Sở Y tế thành phố Hải Phòng cũng đã chọn công ty là đơn vị tham gia chương trình vì chất của Chính phủ, đưa iốt, sắt vào nước mắm để phục vụ đồng bào miền núi thiếu iốt và những vùng đồng bào thiếu máu. Sản xuất đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, từ năm 1996 đến nay, mỗi năm công ty đều dành 25-30 triệu đồng làm kinh phí cho hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện các biện pháp để giảm thiểu khả năng ảnh hưởng đến môi trường, các chỉ số tiêu chuẩn cho phép của Nhà nước đều thấp hơn qui định, công ty được Sở Khoa học công nghệ môi trường thành phố cấp Giấy chứng nhận về kiểm soát môi trường.

Sản xuất kinh doanh giỏi, công ty cũng giáo dục CBCNV chấp hành chủ trương pháp luật của Đảng và

(Xem tiếp trang 36)

VỀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN Ở MỘT SỐ TỈNH TRỌNG ĐIỂM NGHỀ CÁ

LTS: Vừa qua, Thủ tướng PHAN VĂN KHÁI đã về thăm và làm việc với một số tỉnh và thành phố : Hải Phòng, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau. Tại các địa phương, Thủ tướng đã cho những ý kiến chỉ đạo về vấn đề phát triển thủy sản. Tạp chí Thủy sản trích đăng một số ý kiến của Thủ tướng để bạn đọc tham khảo.

■ VỚI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Trong những năm tới phải coi phát triển thủy sản là ngành kinh tế mũi nhọn để tạo ra tốc độ tăng trưởng mới trong nông nghiệp. Thành phố có tiềm năng về mặt nước để phát triển thủy sản, thị trường các sản phẩm thủy sản trên thế giới tương đối ổn định và nhu cầu tiếp tục tăng hàng năm, ta có thể ứng dụng ngay công nghệ mới, nhất là công nghệ nuôi tôm công nghiệp năng suất cao, tôm nuôi không bị bệnh, .. để tạo bước nhảy vọt trong sản xuất. Đẩy mạnh nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, trong đó tập trung phát triển nghề nuôi trồng thủy sản vì có tiềm năng rất lớn và lâu dài; nuôi đa dạng nhưng lấy nuôi tôm là chính; nuôi cá ở nước mặn, nước lợ, nước ngọt; vừa nuôi quảng canh, vừa nuôi thâm canh, nhưng phát triển theo hướng nuôi công nghiệp là chính., nhất là ở những vùng có điều kiện; gắn nuôi trồng thủy sản với công nghiệp chế biến hiện đại để tăng giá trị sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Bộ Thủy sản, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Tổng cục Địa chính giúp thành phố qui hoạch tổng thể phát triển thủy sản, trong đó qui hoạch ngay những vùng có khả năng nuôi tôm công nghiệp, để ngay từ đầu đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái.

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì phối hợp với Bộ Thủy sản hỗ trợ kinh phí và chuyển giao công nghệ để hoàn thành xây dựng mô hình trại

sản xuất tôm giống ngay trong năm nay, đáp ứng nhu cầu giống tôm của địa phương, tiến tới cung cấp giống cho các tỉnh khác. Bộ Thủy sản phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường giúp thành phố tổ chức đào tạo tay nghề, hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân, xây dựng các mô hình áp dụng công nghệ mới.

■ VỚI TỈNH SÓC TRĂNG

Thủy sản còn mang nặng tính sản xuất tự nhiên, thiếu qui hoạch ổn định. Các dự án đánh bắt xa bờ đạt kết quả thấp, chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh.

Về thủy sản, đặc biệt là nuôi trồng, đang có nhiều tiềm năng phát triển, tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu. Tỉnh phải có qui hoạch, kế hoạch cụ thể về nuôi trồng để đầu tư theo hướng nuôi công nghiệp với công nghệ mới phù hợp, đa dạng nghề nuôi, trong đó phát triển mạnh nuôi tôm, kết hợp nuôi quảng canh với nuôi thâm canh, từng bước tiến tới nuôi thâm canh là chính. Trên cơ sở đó lập các dự án cụ thể, bảo đảm đầu tư đồng bộ từ kết cấu hạ tầng về thủy lợi, bờ bao (kể cả đê), sục khí, giống, thức ăn... theo hướng nuôi công nghiệp; đầu tư sản xuất giống tại chỗ để cung cấp cho nhu cầu sản xuất của ngư dân các loại giống tốt, không bệnh, sản xuất thức ăn nuôi công nghiệp; làm tốt công tác phòng trừ dịch bệnh và hoàn thiện công nghệ nuôi; tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở chế biến với trang thiết bị hiện đại để sản phẩm thủy sản trước hết là tôm có sức cạnh tranh cao.

Bộ Thủy sản giúp tỉnh tổng kết và xây dựng mô hình nuôi tôm theo phương pháp công nghiệp, kể cả việc thuê chuyên gia nước ngoài, để có nhân rộng vào cuối năm 2000.

* VỚI TÌNH CẢNH LIÊU

Đối với thủy sản, đặc biệt là nuôi trồng có tiềm năng phát triển, tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu. Tỉnh phải có qui hoạch, kế hoạch cụ thể về nuôi trồng, đẩy mạnh đầu tư nuôi trồng theo hướng công nghiệp, với công nghệ nuôi phù hợp, đa dạng nghề nuôi, trong đó phát triển mạnh nuôi tôm với nhiều hình thức và mô hình khác nhau như : chuyên canh, luân canh lúa - tôm, dưa - tôm, kết hợp nuôi quảng canh với thâm canh từng bước tiến tới nuôi thâm canh là chính. Trên cơ sở đó, lập các dự án cụ thể và tập trung đầu tư đồng bộ từ kết cấu hạ tầng về thủy lợi, bờ bao làm đầm nuôi, sục khí, giống, thức ăn,... theo yêu cầu nuôi công nghiệp và bền vững, đầu tư sản xuất giống tại chỗ để có đủ giống tốt, không bệnh, cung cấp cho nhu cầu sản xuất của ngư dân, sản xuất thức ăn phù hợp nuôi công nghiệp, phòng trừ dịch bệnh và hoàn thiện công nghệ nuôi; tăng cường công tác khuyến ngư, chuyển giao công nghệ mới đến tận người dân (kể cả việc thuê chuyên gia nước ngoài); tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở chế biến với trang thiết bị hiện đại, để sản phẩm thủy sản trước hết là tôm có chất lượng và giá thành hợp lý có khả năng cạnh tranh được với các nước trong khu vực.

* VỚI TIỀM CẢ MẠNH

Thủy sản, đặc biệt là nuôi trồng có nhiều tiềm

năng phát triển lớn, cần được xác định là một ngành sản xuất mũi nhọn và có kim ngạch xuất khẩu lớn của tỉnh. Do vậy, phải có qui hoạch, kế hoạch cụ thể vùng nuôi, nhất là nuôi tôm, để đầu tư theo phương pháp nuôi công nghiệp với công nghệ mới phù hợp, đa dạng nghề nuôi trong đó phát triển mạnh nuôi tôm, với nhiều hình thức và mô hình khác nhau như : chuyên canh, luân canh lúa tôm, dưa tôm, kết hợp nuôi quảng canh với nuôi thâm canh, từng bước hướng tới nuôi thâm canh là chính. Trên cơ sở đó lập các dự án cụ thể, bảo đảm đầu tư đồng bộ từ kết cấu hạ tầng về thủy lợi, bờ bao (kể cả đê), làm đầm, sục khí, giống, thức ăn,... phù hợp với yêu cầu nuôi công nghiệp; đầu tư sản xuất giống tại chỗ để cung cấp đủ cho dân các loại giống tốt, làm tốt phòng trừ dịch bệnh và hoàn thiện công nghệ nuôi; tăng cường công tác khuyến ngư, chuyển giao công nghệ mới đến tận người dân (kể cả việc thuê chuyên gia nước ngoài); tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở chế biến với trang thiết bị hiện đại, để sản phẩm thủy sản trước hết là tôm có khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực.

Bộ Thủy sản chủ trì cùng Bộ Nông nghiệp và PTNT giúp tỉnh qui hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản, trên cơ sở đó hoàn thành qui hoạch nuôi trồng thủy sản các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu long. Trong quý III năm 2000 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt kế hoạch 5 năm 2001 – 2005, định hướng dài hạn phát triển nuôi trồng thủy sản đồng bằng sông Cửu long, trong đó có từng dự án, hạng mục đầu tư cụ thể, trên cơ sở đó tiến hành thực hiện đầu tư. □



Một góc phân xưởng của công ty Xuất nhập khẩu thủy sản An giang.

Ảnh : A.G



ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI NGHỀ NUÔI TÔM SÚ THƯƠNG PHẨM Ở TỈNH KHÁNH HOÀ

PHẠM XUÂN THỦY - NGUYỄN TRỌNG NHO

Đại học Thủy sản

NGUYỄN THẾ NHÀ

Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội

Cho đến nay chưa có một tài liệu khoa học nào điều tra đánh giá toàn diện về hiệu quả kinh tế của các mô hình nuôi tôm sú thương phẩm ở Khánh Hoà. Việc làm này rất cần để có những kết luận, từ đó đề xuất các biện pháp nâng cao năng suất và sản lượng tôm nuôi. Xuất phát từ các yêu cầu thực tiễn đó, từ tháng 5 đến 12/1999 chúng tôi đã tiến hành điều tra và hệ thống lại các số liệu đã có về vấn đề này.

1. Phương pháp nghiên cứu

Thực hiện qua 134 phiếu điều tra các hộ nuôi tôm ở Nha Trang, Ninh Hoà, Vạn Ninh và Cam Ranh (chiếm 3,5% tổng số hộ nuôi tôm ở Khánh

Hoà) về các chỉ tiêu diện tích, số vụ nuôi, hình thức nuôi, năng suất, sản lượng, tổng chi phí sản xuất, tổng thu nhập... Đồng thời, tiếp xúc trực tiếp với người nuôi tôm và làm việc với các ban ngành có liên quan.

Số liệu được mã hoá và xử lý bằng phần mềm Excel, SPSS và các phương pháp trong thống kê kinh tế.

2. Kết quả nghiên cứu

Tổng hợp số liệu điều tra mức đầu tư cho nuôi tôm và kết quả sản xuất của 134 nông hộ nuôi tôm trong tỉnh Khánh Hoà được trình bày ở bảng 1

Căn cứ vào số liệu điều tra chúng tôi tính doanh

► **Bảng 1: Mức đầu tư và kết quả sản xuất của các hộ nuôi tôm sú được điều tra ở Khánh Hoà, năm 1999**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Tổng số	Quảng canh cải tiến	Bán thâm canh	Thâm canh
1. Diện tích	ha	117,99	42,6	56,3	19,09
2. Số ao	cái	216	56	119	41
3. Số vụ nuôi	vụ	360	89	221	50
4. Tổng sản lượng	kg	222.250	19.570	122.990	79.690
5. Tổng thu	triệu đồng	22.030,1	1.732,5	11.510,8	8.786,8
6. Tổng chi	triệu đồng	12.617,4	1.146	7.004,9	4.466,5
-Chi vật chất và dịch vụ	-	11.485,7	1.013,3	6.353,2	4.119,2
-Chi lao động	-	834,1	96,7	488,6	248,8
-Chi khác	-	297,6	36,0	163,1	98,5

Bảng 2: Một số chỉ tiêu kinh tế trên 1 ha ao nuôi tôm sú thương phẩm ở Khánh Hoà, năm 1999

Chỉ tiêu	Đơn vị	Tổng số	Quảng canh cải tiến	Bán thâm canh	Thâm canh
1. Tiền mua đất	triệu đồng	50-70	100-150	100-150	100
2. Giá đầu tư	-	30-50	50-100	150-200	100
3. Diện tích trung bình	ha/ao	0,76	0,47	0,47	0,55
4. Số vụ nuôi	vụ	1,6	1,9	1,2	1,7
5. Doanh thu	triệu đồng	40,67	204,45	460,28	186,71
6. Chi phí sản xuất	-	26,9	124,42	233,97	106,94
7. Năng suất	kg/ha	459,39	2.184,55	4.174,44	1.883,63
8. Giá hoà vốn	đồng	58.560	56.950	56.050	56.770

thu, chi phí sản xuất, năng suất, lợi nhuận... bình quân cho 1 ha ao nuôi như sau (bảng 2):

Để thấy sự thay đổi các khoản mục chi phí sản xuất trong các loại hình nuôi tôm khác nhau, chúng tôi phân tích kết cấu các yếu tố chi phí sản xuất theo bảng 3.

- Chi phí thức ăn chiếm tỉ trọng cao nhất trong tất cả các loại hình nuôi tôm sú thương phẩm: 12,39 triệu đồng cho nuôi quảng canh cải tiến (46,1%); 68,12 triệu đồng cho nuôi bán thâm canh (54,8%) và 128,59 triệu đồng cho nuôi thâm canh (55%).

- Chi phí tôm giống, khấu hao tài sản cố định, tiền công lao động chiếm tỉ trọng tương đối cao, tăng dần về giá trị tuyệt đối và giảm dần về giá trị tương đối từ nuôi quảng canh cải tiến đến thâm canh.

- Phòng trừ dịch bệnh, năng lượng, chiếm tỉ trọng tương đối cao trong nuôi tôm bán thâm canh và thâm canh, tăng cả về giá trị tuyệt đối lẫn giá trị tương đối từ quảng canh cải tiến đến thâm canh.

2.1. Phân tích kết quả sản xuất

Qua phân tích cơ cấu chi phí sản xuất của các loại hình nuôi tôm sú ở Khánh Hoà, chúng tôi đã tính chi phí trung gian (IC), khấu hao tài sản cố định (KH), tiền công lao động gia đình (CL: trực tiếp và quản lí tính theo giá thuê lao động), tổng chi phí sản xuất (IC + CL + KH) và các chỉ tiêu thể hiện kết quả sản xuất của các mô hình nuôi tôm theo hình thức quảng canh cải tiến, bán thâm canh và thâm canh (bảng 4)

Qua bảng 4, nhận thấy lợi nhuận thu được trên 1 ha mặt nước nuôi theo hình thức thâm canh bằng 2,8 lần nuôi bán thâm canh và 16,4 lần nuôi quảng canh cải tiến. Trong sản xuất kinh doanh, khi lợi

Bảng 3: Cơ cấu chi phí sản xuất trên 1 ha ao nuôi tôm sú thương phẩm ở Khánh Hoà, năm 1999

Chỉ tiêu	Quảng canh cải tiến		Bán thâm canh		Thâm canh	
	Số tiền triệu đồng	Tỉ trọng %	Số tiền triệu đồng	Tỉ trọng %	Số tiền triệu đồng	Tỉ trọng %
- Chi vận chuyển và dịch vụ	23,78	88,4	112,84	90,7	215,78	92,2
- Giống	5,03	18,7	12,40	10,0	16,01	6,8
- Thức ăn	12,39	46,1	68,12	54,8	128,59	55,0
- Phòng bệnh	1,23	4,6	6,69	5,4	16,32	7,0
- Năng lượng	1,42	5,3	6,46	5,2	20,12	8,6
- Khấu hao tài sản cố định	2,46	9,1	9,95	8,0	16,62	7,1
- Chi vật chất khác	0,96	3,6	6,89	5,5	14,35	6,1
- Chi dịch vụ khác	0,29	1,1	2,33	1,8	3,77	1,6
+ Chi lao động	2,27	8,3	8,68	7,0	13,03	5,6
- Lao động thuê	0,74	2,8	1,43	1,1	1,57	0,7
+ Chi phí khác	0,85	3,2	2,90	2,3	5,16	2,2
Tổng chi phí	26,90	100	124,42	100	233,97	100

Bảng 4: Chi phí và kết quả sản xuất trên 1 ha ao nuôi tôm sú ở Khánh Hoà, năm 1999

Chỉ tiêu	Quảng canh cải tiến	Bán thâm canh	Thâm canh
1. Chi phí trung gian (IC)	22,91	107,22	205,89
2. Khấu hao tài sản cố định (KH)	2,46	9,95	16,62
3. Tiền công lao động gia đình (CL)	1,53	7,25	11,46
4. Tổng chi phí (IC+CL+KH)	26,90	124,42	233,97
5. Giá trị sản xuất (GO)	40,67	204,45	460,28
6. Giá trị gia tăng (VA)	17,76	97,23	254,39
7. Thu nhập hỗn hợp (MI)	15,30	87,28	237,77
8. Lợi nhuận (Pr)	13,77	80,03	226,31

nhuận càng cao thì rủi ro càng lớn. Một khi người nuôi tôm chưa nắm vững và thực hiện đúng các qui trình kĩ thuật nuôi thì thất bại là điều khó tránh khỏi. Theo kết quả điều tra, có tới 20-25% hộ nuôi tôm bị lỗ vốn trong từng vụ sản xuất với lí do chủ yếu là dịch bệnh.

2.2. Phân tích hiệu quả kinh tế của 1 ha ao nuôi tôm

Để đánh giá hiệu quả của đồng vốn đầu tư đối với từng loại hình nuôi tôm, chúng tôi đã so sánh giữa chi phí sản xuất và kết quả thu được đối với từng loại hình (với định mức lao động/ha nuôi tôm

quảng canh cải tiến là 2, bán thâm canh: 3; thâm canh: 5) Kết quả thể hiện ở bảng 5.

a. Giá trị sản xuất (GO) hay doanh thu

- Các hộ nuôi tôm khi bỏ ra 100 đồng chi phí trung gian sẽ tạo được 177 đồng doanh thu (Giá trị sản xuất) đối với nuôi quảng canh cải tiến; 190 đồng đối với nuôi bán thâm canh và 224 đồng với nuôi thâm canh; khi bỏ ra 100 đồng tổng chi phí sản xuất sẽ tạo được 151 đồng doanh thu (Giá trị sản xuất) đối với nuôi quảng canh cải tiến; 164 đồng đối với nuôi bán thâm canh và 197 đồng đối với nuôi thâm canh.

- - 1 lao động trong năm tạo được 20,335 triệu đồng giá trị sản xuất đối với nuôi quảng canh cải tiến; 68,15 triệu đồng đối với nuôi bán thâm canh và 115 triệu đồng đối với nuôi thâm canh.

b. Giá trị gia tăng (VA)

- Các hộ nuôi tôm khi bỏ ra 100 đồng chi phí trung gian sẽ tạo được 78 đồng giá trị gia tăng đối với nuôi quảng canh cải tiến; 91 đồng đối với nuôi bán thâm canh và 124 đồng đối với nuôi thâm canh; khi bỏ ra 100 đồng tổng chi phí sản xuất sẽ tạo được 66 đồng giá trị gia tăng đối với nuôi quảng canh cải tiến; 78 đồng đối với nuôi bán thâm canh

tạo được 57 đồng thu nhập hỗn hợp đối với nuôi quảng canh cải tiến; 70 đồng đối với nuôi bán thâm canh và 102 đồng đối với nuôi thâm canh.

- 1 lao động trong năm tạo được 7,56 triệu đồng thu nhập hỗn hợp đối với nuôi quảng canh cải tiến; 29 triệu đồng đối với nuôi bán thâm canh và 59,4 triệu đồng đối với nuôi thâm canh.

d. Lợi nhuận (Pr)

- Các hộ nuôi tôm khi bỏ ra 100 đồng chi phí trung gian sẽ tạo được 60 đồng lợi nhuận đối với nuôi quảng canh cải tiến; 75 đồng đối với nuôi bán thâm canh và 110 đồng đối với nuôi thâm canh; khi

Bảng 5: Hiệu quả kinh tế của 1 ha ao nuôi tôm sú ở Khánh Hoà, năm 1999

Chỉ tiêu	Quảng canh cải tiến	Bán thâm canh	Thâm canh
1. Giá trị sản xuất/chi phí trung gian (GO/IC)	1,77	1,90	2,24
- Giá trị sản xuất/tổng chi phí sản xuất (GO/TC)	1,51	1,64	1,97
- Giá trị sản xuất/1 lao động (GO/LĐ), triệu đồng	20,335	68,15	115,00
2. Giá trị gia tăng/chi phí trung gian (VA/IC)	0,78	0,91	1,24
- Giá trị gia tăng/tổng chi phí sản xuất (VA/TC)	0,66	0,78	1,09
- Giá trị gia tăng/1 lao động (VA/LĐ), triệu đồng	8,88	32,41	63,60
3. Thu nhập hỗn hợp/chi phí trung gian (MI/IC)	0,67	0,81	1,15
- Thu nhập hỗn hợp/tổng chi phí sản xuất (MI/TC)	0,57	0,70	1,02
- Thu nhập hỗn hợp/1 lao động (MI/LĐ), triệu đồng	7,65	29,0	59,4
4. Lợi nhuận/chi phí trung gian (Pr/IC)	0,6	0,75	1,1
- Lợi nhuận/tổng chi phí sản xuất (Pr/TC)	0,51	0,64	0,97
- Lợi nhuận/1 lao động (Pr/LĐ), triệu đồng	6,9	26,7	45,2

và 109 đồng đối với nuôi thâm canh.

- 1 lao động trong năm tạo được 8,88 triệu đồng giá trị gia tăng đối với nuôi quảng canh cải tiến; 32,41 triệu đồng đối với bán thâm canh và 63,60 triệu đồng đối với nuôi thâm canh.

c. Thu nhập hỗn hợp (MI)

- Các hộ nuôi tôm khi bỏ ra 100 đồng chi phí trung gian sẽ tạo được 67 đồng thu nhập hỗn hợp đối với nuôi quảng canh cải tiến; 81 đồng đối với nuôi bán thâm canh và 115 đồng đối với nuôi thâm canh; Khi bỏ ra 100 đồng tổng chi phí sản xuất sẽ

bỏ ra 100 đồng tổng chi phí sản xuất sẽ tạo được 51 đồng lợi nhuận đối với nuôi quảng canh cải tiến; 64 đồng đối với nuôi bán thâm canh và 97 đồng đối với nuôi thâm canh.

- 1 lao động trong năm tạo được 6,9 triệu đồng lợi nhuận đối với nuôi quảng canh cải tiến; 26,7 triệu đồng đối với nuôi bán thâm canh và 45,2 triệu đồng đối với nuôi thâm canh.

2.3. Hiệu quả xã hội

Do nuôi tôm sú hiện nay có lãi suất khá cao nên ở tỉnh Khánh Hoà, các hộ nông dân vùng ven biển

đã sử dụng gần hết diện tích mặt nước ở các vùng bãi bồi ven sông, biển đưa vào nuôi trồng thủy sản. Nuôi tôm sú đã góp phần đáng kể vào chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở các vùng nông thôn ven biển, giải quyết công ăn việc làm cho 20.000 lao động đồng thời nâng cao thu nhập cho người dân, tăng tích lũy ngoại tệ cho Nhà nước.

Nghề nuôi tôm sú còn kéo theo sự phát triển của hàng loạt các ngành khác, góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động như: 5.000 lao động sản xuất và ương tôm giống, 1.000 lao động chế biến thủy sản, sản xuất thức ăn cho tôm và các hoạt động dịch vụ khác.

Ngoài ra nuôi tôm thương phẩm còn tạo điều kiện cho ngư dân các vùng ven biển xóa đói giảm nghèo. Kết quả nuôi tôm thương phẩm đã giúp nhiều hộ ngư dân thoát khỏi cảnh nghèo: 409 hộ ở Vạn Ninh, 1.664 hộ ở Ninh Hoà v.v...

Rất nhiều nông hộ trở nên giàu có nhờ nuôi tôm với mức thu nhập bình quân 30-50 triệu đồng/năm, nhiều nông hộ đã trở thành tỉ phú nông thôn với mức thu nhập 100-1.000 triệu đồng/năm.

Kết luận

1. Mức đầu tư cho nuôi tôm theo các loại hình khác nhau cả về vốn xây dựng cơ bản và chi phí sản xuất. Tổng vốn đầu tư cho 1 ha ao nuôi quảng canh cải tiến khoảng 100 triệu đồng, bán thâm canh khoảng 200 triệu đồng và thâm canh khoảng 300-400 triệu đồng.

2. Chi phí sản xuất bình quân cho 1 ha ao nuôi quảng canh cải tiến là 27 triệu đồng, bán thâm canh là 124 triệu đồng, thâm canh là 234 triệu đồng.

- Chi phí thức ăn chiếm tỉ trọng cao nhất trong tổng chi phí ở các loại hình nuôi cả về giá trị tuyệt đối lẫn giá trị tương đối: quảng canh cải tiến là 12 triệu đồng/ha (46%), bán thâm canh là 68 triệu đồng/ha (54%), thâm canh là 129 triệu đồng/ha (55%).

- Chi phí năng lượng, nhiên liệu tăng theo các loại hình nuôi, từ quảng canh cải tiến đến bán thâm canh và thâm canh, cả về giá trị tuyệt đối lẫn giá trị tương đối.

- Các chi phí khác như: con giống, khấu hao tài

sản cố định, phòng trừ dịch bệnh, tiền lương có xu hướng tăng về giá trị tuyệt đối và giảm về giá trị tương đối theo các loại hình nuôi từ quảng canh cải tiến đến bán thâm canh và thâm canh.

3. Giá thành sản xuất khoảng 57 ngàn đồng/kg tôm thương phẩm.

4. Doanh thu của 1 ha ao nuôi tôm theo hình thức quảng canh cải tiến là 41 triệu đồng, bán thâm canh là 204 triệu đồng, thâm canh là 460 triệu đồng và trung bình cho 1 ha nuôi tôm trong toàn tỉnh là 187 triệu đồng.

5. Lợi nhuận trên 1 ha ao nuôi tôm là 14 triệu đồng đối với nuôi quảng canh cải tiến, 80 triệu đồng đối với nuôi bán thâm canh và 226 triệu đồng đối với nuôi thâm canh. Như vậy lợi nhuận do nuôi thâm canh bằng 2,8 lần nuôi bán thâm canh và 16,4 lần nuôi quảng canh cải tiến.

Đề xuất

1. Nuôi tôm sú thương phẩm là một nghề sản xuất ổn định và có hiệu quả kinh tế cao, cần đầu tư mở rộng để tạo công ăn việc làm cho người lao động ở các vùng nông thôn ven biển trong tỉnh.

2. Trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay, tỉnh Khánh Hoà nên đẩy mạnh nuôi tôm với hình thức bán thâm canh và sẽ từng bước chuyển sang nuôi thâm canh.

3. Thức ăn công nghiệp dùng cho nuôi tôm hiện nay có đến 42 loại. Chi phí thức ăn cho nuôi tôm sú thương phẩm chiếm tỉ trọng cao nhất trong tổng chi phí sản xuất (46-55%). Sở Thủy sản cần đánh giá hiệu quả từng loại thức ăn để giúp người sản xuất chọn được loại thức ăn phù hợp nhất và đạt hiệu quả kinh tế nhất.

4. Trong nuôi tôm sú thương phẩm hiện nay có tới 71,7% hộ nuôi tôm thiếu vốn đầu tư cho sản xuất. Chính phủ đã có chính sách cho vay vốn sản xuất theo Nghị định 14/CP ngày 12/12/1993, tỉnh Khánh Hoà cần vận dụng cụ thể cho các nông hộ nuôi tôm vay với mức vay và thời gian phù hợp để phát triển sản xuất (theo chúng tôi mức vay bằng 1/3 - 1/2 tổng chi phí sản xuất của từng loại hình nuôi, thời gian vay ít nhất là 6 tháng). □



● CẨM VÂN

Để có được nguồn tài nguyên quý giá như hiện nay, trái đất đã trải qua nhiều triệu năm tích tụ và phát triển. Song chỉ sau nửa thế kỉ, với tốc độ phát triển của khoa học, kĩ thuật khai thác và sử dụng tài nguyên môi trường, thế giới đã phải đối mặt với những vấn đề nghiêm trọng: sức ép ô nhiễm, xuống cấp và cạn kiệt tài nguyên, nhiều giống loài tiếp tục bị tuyệt chủng và nhiều hệ sinh thái bị biến mất.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu nhằm tìm các giải pháp tốt nhất để quản lí, kiểm soát việc khai thác tài nguyên môi trường, trong đó phải kể đến 2 phương pháp quản lí đã và đang được áp dụng ở nhiều nước trên thế giới, đó là:

- Quản lí tài nguyên môi trường thông qua việc thiết lập hệ thống các khu bảo tồn.

- Quản lí tài nguyên môi trường trên cơ sở cộng đồng.

Trong khuôn khổ bài viết này chúng tôi sẽ đề cập đến quản lí tài nguyên môi trường biển và ven biển thông qua việc thiết lập hệ thống các khu bảo tồn biển và ven biển.

Nhiều hội nghị quốc tế, đáng ghi nhận nhất là Hội nghị quốc tế năm 1962 đã ghi nhận sự gia tăng sức ép đối với tài nguyên môi trường biển và ven biển. Tại hội nghị này, các nước tham gia đã xem xét nhu cầu bảo vệ các khu vực bảo tồn biển và ven biển. Tiếp sau Hội nghị quốc tế kéo dài từ 1973-1977 và kết quả là Luật biển năm 1982 được thông qua đã mở ra một kỉ nguyên mới, góp phần hạn chế mức độ khai thác tự do tài nguyên môi trường biển của các nước phát triển, đồng thời các nước ven biển có quyền áp dụng các biện pháp quản lí, kiểm soát khai thác tài nguyên môi trường biển đến 200 hải lí. ▶

- Năm 1975, IUCN đã tiến hành một hội nghị về các khu bảo tồn biển tại Tokyo, kêu gọi thiết lập hệ thống giám sát đầy đủ các khu bảo tồn biển đại diện cho các hệ sinh thái trên biển thế giới.

Năm 1980, IUCN cùng với WWF và UNEP đã công bố Chiến lược bảo tồn thế giới, nhấn mạnh tầm quan trọng của môi trường và các hệ sinh thái biển nhằm mục đích bảo tồn để phát triển bền vững.

Nếu như năm 1970, cả thế giới mới chỉ có 118 khu bảo tồn biển thuộc 28 nước thì năm 1985 đã có 430 khu thuộc 69 nước và năm 1995 đã thống kê được 1.036 khu, phân bố trong 18 vùng địa sinh thái (bảng 1).

Các nước Đông Nam Á nằm trong vùng địa sinh thái số 13 có 92 khu bảo tồn biển thuộc các nước Brunei, Campuchia, Indônêxia, Malaixia, Philipin, Singapore, Thái Lan và Việt Nam (bảng 2).

Bảng 1: Phân bố các khu bảo tồn trên các khu vực biển

Vùng biển	Số lượng
- Vùng biển úc - Niu Zilân	260
- Tây bắc Thái Bình Dương	190
- Đông bắc Thái Bình Dương	168
- Biển Caribê	104
- Đông Nam Á	92
- Tây bắc Đại Tây Dương	89
- Tây Phi	54
- Địa Trung Hải	53
- Trung Ấn Độ Dương	195
- Các vùng biển còn lại	101

Bảng 2: Phân bố số lượng khu bảo tồn trong vùng biển Đông Nam Á

Nước	Số lượng
- Brunei	4
- Campuchia	Không có thông tin
- Indônêxia	30
- Malaixia	21
- Philippin	19
- Singapore	1
- Thái Lan	15
- Việt Nam	2

Trong số các nước Đông Nam Á, Việt Nam gần như là nước chậm nhất trong việc thiết lập các khu bảo tồn biển. Cho đến nay chỉ có 2 trong 10 vườn quốc gia là Cát Bà và Côn Đảo có phần biển (Cát Bà: diện tích 15.200 ha, trong đó phần biển 5.400 ha; Côn Đảo: diện tích 40.498ha, trong đó phần biển 34.500ha, kể cả vùng đệm 20.500ha). Các khu bảo tồn trên hiện do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lí.

Nói chung, công tác bảo vệ tài nguyên môi trường biển và ven biển của thế giới yếu kém hơn so với những nỗ lực bảo vệ tài nguyên môi trường trên đất liền.

Nhận thức được điều này, Hội nghị lần thứ 4 về Thiên nhiên hoang dã năm 1978 đã thông qua nghị quyết thiết lập một khung chính sách cho công tác bảo tồn biển. Năm 1988, một nghị quyết tương tự cũng đã được công bố, trong đó "Khu bảo tồn biển" được định nghĩa như sau: "Bất cứ một khu vực lãnh thổ giữa hai mức triều hoặc cận triều cùng với khối nước che phủ và hệ động thực vật kèm theo, các đặc điểm lịch sử và văn hoá, được luật pháp bảo hộ hoặc các biện pháp có hiệu quả khác cần để bảo vệ một bộ phận hay toàn bộ môi trường bao quanh".

Mục đích thiết lập hệ thống các khu bảo tồn biển bao gồm:

+ Bảo vệ sự tồn tại và phát triển lâu dài của các hệ sinh thái biển (rừng ngập mặn, san hô, cỏ biển, cửa sông...) giữ gìn trạng thái nguyên sơ, bảo vệ tính đa dạng sinh thái, các quá trình sinh thái và sự tiến hoá liên tục.

+ Bảo vệ các loài và các quần thể bị cạn kiệt, bị đe dọa và bảo tồn nơi sinh cư được coi là quan trọng đối với sự sống còn của các loài.

+ Bảo vệ và quản lí các khu vực có tầm quan trọng đối với chu trình sống của các loài có tầm quan trọng về kinh tế.

+ Bảo vệ các di sản tự nhiên, các di tích văn hóa, lịch sử liên quan đến biển có giá trị quốc gia, khu vực và thế giới.

+ Phục vụ mục đích vui chơi giải trí và du lịch biển.

+ Phục vụ mục đích khoa học và giáo dục về thiên nhiên biển.

+ Đảm bảo phúc lợi thường xuyên cho người dân. ►

- Nghị quyết Hội nghị CNPPA lần thứ 4 tại Caracas, năm 1992 đã khuyến cáo các nước thiết lập các khu bảo tồn biển theo 6 kiểu sau:

Kiểu I. Khu dự trữ thiên nhiên biển:

1a. Khu dự trữ thiên nhiên nghiêm ngặt

1b. Khu bảo tồn tính hoang dã Là khu vực đất liền hay trên biển có hệ sinh thái tiêu biểu, nổi bật, có đặc điểm tự nhiên và địa chất hoặc các loài riêng biệt phục vụ cho nghiên cứu khoa học hoặc quan trắc môi trường.

Là khu vực đất liền hay biển chưa bị tác động hoặc ít biến đổi, còn giữ được tính chất tự nhiên và quan hệ tương tác giữa chúng, không có dân cư sinh sống, được bảo vệ và quản lý để duy trì diễn thế tự nhiên của khu vực.

Kiểu II. Vườn quốc gia biển : - Khu vực tự nhiên trên đất liền hoặc trên biển được thiết lập để bảo vệ tính toàn vẹn sinh thái của một hay nhiều hệ sinh thái cho thế hệ hôm nay và mai sau.

- Loại trừ việc khai thác hay các hành động trái với mục đích đã qui hoạch.

- Tạo ra nền tảng tinh thần khoa học, giáo dục cho du khách nhưng đảm bảo sự tương hợp giữa văn hóa và môi trường.

Kiểu III. Kỳ quan thiên nhiên biển : Là khu vực có một hay nhiều điểm có giá trị về thiên nhiên hay văn hóa nổi bật hoặc duy nhất do tính chất quý hiếm, tiêu biểu về mặt thẩm mỹ hoặc có ý nghĩa văn hóa cao.

Kiểu IV. Khu bảo tồn loài/nơi sinh cư : Là khu vực trên đất liền hay trên biển được quản lý nhằm duy trì nơi sinh cư hay đáp ứng nhu cầu tồn tại của các loài sinh vật đặc biệt cần được bảo vệ.

Kiểu V. Khu bảo tồn cảnh quan biển : Là khu vực đất liền hoặc biển, ở đó quan hệ tương tác giữa con người và thiên nhiên, qua thời gian đã tạo nên giá trị thẩm mỹ, sinh thái hoặc văn hóa đặc biệt, thường có tính đa dạng sinh học cao. Bảo đảm tính toàn vẹn giữa các quan hệ truyền thống là điểm cơ bản của công tác bảo vệ nhằm duy trì và phát triển khu vực.

Kiểu VI. Khu bảo tồn tài nguyên thiên nhiên biển : Là khu vực bao gồm các hệ sinh thái tự nhiên phần lớn chưa biến đổi, được quản lý nhằm bảo vệ tính bền vững của chức năng của các hệ sinh thái và duy trì

lâu dài tính đa dạng sinh học, đồng thời vẫn cung cấp các sản phẩm tự nhiên cần thiết cho cộng đồng

Tiêu chí chung để chọn lựa các khu bảo tồn được dựa trên 3 nhóm: Mức độ phong phú về đa dạng sinh học và tính nguyên sơ; mức độ các mối đe dọa đến bảo tồn các tài nguyên đa dạng sinh học; và tính khả thi các hoạt động bảo tồn. Ngoài ra, khi xem xét lựa chọn các khu bảo tồn còn dựa vào tính cấp thiết, bao gồm: tầm quan trọng địa sinh vật, sinh thái, kinh tế, xã hội, khoa học và ý nghĩa quốc tế hoặc quốc gia, cùng với tính thực tiễn.

Trên thực tế, công tác bảo tồn đa dạng sinh học biển và ven biển ở Việt Nam đã được bắt đầu từ nhiều năm nay, đặc biệt sau khi có Pháp lệnh Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản năm 1989. Gần 20 khu vực biển và ven biển được khoanh vùng bảo vệ với các mục đích khác nhau như bảo vệ giống loài quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng, bảo vệ các bãi đẻ, bảo vệ các hệ sinh thái, các nơi sinh cư của nhiều giống loài thủy sản v.v... cùng với các biện pháp kiểm soát mức độ khai thác các giống loài thủy sản đã góp phần đáng kể làm chậm tốc độ suy giảm nguồn lợi và xuống cấp chất lượng môi trường sống của các loài thủy sinh vật.

Để hoàn thiện hệ thống các khu bảo tồn biển và ven biển, vừa qua Thủ tướng Chính phủ đã giao cho Bộ Thủy sản xây dựng qui chế thiết lập và quản lý hệ thống các khu bảo tồn biển, đồng thời lập qui hoạch hệ thống các khu bảo tồn biển trình Thủ tướng xem xét phê duyệt. Căn cứ vào kết quả của nhiều chương trình, đề tài điều tra nghiên cứu và các tiêu chí thiết lập các khu bảo tồn, hiện đã có 15 khu vực biển được đưa vào danh sách thiết lập khu bảo tồn biển đầu tiên của Việt Nam, đó là: khu vực Đảo Trần, Đảo Cô Tô, Cát Bà, Bạch Long Vĩ, Hòn Mê, Cồn Cỏ, Hải Vân - Sơn Trà, Cù lao Chàm, Lý Sơn, Hòn Mun, Phú Quý, Hòn Cau, Côn Đảo, Phú Quốc và quần đảo Trường Sa.

Hy vọng trong năm nay, các khu vực trên sẽ được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận và được đầu tư xây dựng trở thành các khu bảo tồn biển đầu tiên của Việt Nam. □

HỎI - ĐÁP về thú y thủy sản

Hỏi: Cần những điều kiện và thủ tục gì khi xin đăng kí sản xuất thuốc thú y thủy sản ?

Trả lời:

1. Điều kiện đăng kí sản xuất thuốc thú y thủy sản:

Tổ chức, cá nhân xin đăng kí sản xuất thuốc thú y thủy sản phải có các điều kiện sau:

a/ Địa điểm sản xuất phải đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh thú y theo qui định của Bộ Thủy sản

b/ Trang thiết bị phải đáp ứng yêu cầu sản xuất, bảo quản nguyên liệu và sản phẩm

c/ Có người quản lí, có kĩ thuật viên và công nhân kĩ thuật chuyên ngành. Người phụ trách kĩ thuật sản xuất thuốc thú y thủy sản phải là bác sĩ thú y hoặc dược sĩ có quá trình hoạt động về sản xuất thuốc thú y

d/ Có phương tiện kiểm tra chất lượng thuốc trước khi xuất xưởng

2. Hồ sơ đăng kí sản xuất thuốc thú y thủy sản:

Tổ chức, cá nhân xin đăng kí sản xuất thuốc thú y thủy sản phải nộp cho Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản các hồ sơ đăng kí sau:

a/ Đơn xin đăng kí sản xuất thuốc thú y thủy sản kèm theo danh mục các loại thuốc xin phép sản xuất

b/ Tờ trình về điều kiện sản xuất thuốc thú y thủy sản

c/ Bản sao bằng cấp chuyên môn của người phụ trách kĩ thuật

d/ Hồ sơ kĩ thuật phải có:

- Qui trình sản xuất và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm của từng loại thuốc đăng kí, nhãn thuốc đăng kí lưu hành

- Phiếu kết quả kiểm nghiệm xác nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng đã đăng kí do cơ quan kiểm nghiệm nhà nước cấp

- Phiếu gửi mẫu và mẫu lưu của sản phẩm xin lưu hành

TIN CỤC BVNLTS

TẬP HUẤN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THÚ Y VÀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HOÁ CHUYÊN NGÀNH THỦY SẢN

Để thực hiện tốt nhiệm vụ quản lí nhà nước về thú y thủy sản (Nghị định 93/CP ngày 27/11/1993 của chính phủ) và chất lượng hàng hoá chuyên ngành thủy sản (Nghị định 86/CP ngày 08/12/1995 của Chính phủ) tăng cường năng lực cho cán bộ tại các Chi cục địa phương, Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản tổ chức lớp tập huấn Quản lí nhà nước về thú y và chất lượng hàng hoá chuyên ngành thủy sản từ ngày 14-29/6/2000 tại thành phố Hồ Chí Minh. 55 học viên đang công tác tại 20 Chi cục bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong cả nước tham dự lớp tập huấn này.



CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ CÁC CHI CỤC TRƯỞNG CÁC TỈNH PHÍA NAM LẦN THỨ 2 được tổ chức vào 2 ngày 26 và 27/6/2000 tại Kiên Giang nhằm triển khai chương trình công tác năm 2000, đặc biệt về tình hình thực hiện các văn bản qui phạm luật mới ban hành, như quyết định số 19/2000/QĐ-TTg ngày 03/02/2000 của Thủ tướng Chính phủ về bãi bỏ các loại giấy phép trong đó có "Giấy phép hoạt động nghề cá" và di chuyển ngư trường. Quyết định 20/2000/QĐ-BTC ngày 21/02/2000 của Bộ Tài chính về ban hành mức thu phí, lệ phí trong công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản....

Thái Bình

SAU HƠN 2 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ 01/1998/CT-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

● NGUYỄN NGỌC

Đồng thời với việc thực hiện Pháp lệnh bảo vệ nguồn lợi thủy sản (BV&PTNLTS), để triển khai thực hiện Chỉ thị 01/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Chi cục BV&PTNLTS Thái Bình đã tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 20/CT-UB ngày 17/10/1998 nghiêm cấm sử dụng xung điện, chất nổ, chất độc để khai thác thủy sản, cho UBND các huyện ban hành một số văn bản hướng dẫn thực hiện, xử lý vi phạm theo Nghị định 48/CP về xử phạt hành chính trong lĩnh vực BV&PTNLTS.

Là tỉnh có trên 85% số dân là nông dân, ngư dân, trình độ dân trí còn nhiều hạn chế, do đó làm tốt việc tuyên truyền sẽ có vai trò rất quan trọng trong công tác BVNLTS. Chi cục BVNLTS phối hợp với Đài Phát thanh truyền hình tỉnh tuyên truyền về Pháp lệnh BV&PTNLTS, phổ biến các qui định của Nhà nước xuống xã, tập đoàn đánh cá, ngư dân và nông dân làm nghề nuôi trồng thủy sản, tiến hành xây dựng các phóng sự về công tác kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm BVNLTS trong tỉnh. Nội dung Chỉ thị 01/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định 48/CP, Chỉ thị 20/CT-UB của UBND tỉnh đã được đăng tải trên báo, đài địa phương và sao gửi đến các huyện, xã để tổ chức thực hiện.

Ngoài việc đẩy mạnh tuyên truyền cho người dân nâng cao hiểu biết về công tác BVNLTS, hàng quý Chi cục đã phối hợp với lực lượng Biên phòng và phòng Cảnh sát giao thông đường thủy Công an tỉnh kiểm tra, kiểm soát và xử lý những hành vi vi phạm như sử dụng điện, kích điện, te, giã điện khai thác thủy sản

trên toàn tuyến sông ngòi nội đồng và ngoài biển.

Cho đến nay, Chi cục đã cùng các lực lượng kiểm tra, kiểm soát và xử lý 350 vụ sử dụng xung điện khai thác thủy sản trên sông và vùng triều ven biển. Công tác BVNLTS của tỉnh đã có những chuyển biến tích cực.

Tuy vậy, sau hơn 2 năm triển khai thực hiện Chỉ thị 01/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Thái Bình vẫn còn một số tồn tại sau:

- Do chưa có tàu kiểm ngư phục vụ cho công tác kiểm tra, kiểm soát trên biển nên việc kiểm tra, kiểm soát chủ yếu phải dựa vào phương tiện của các lực lượng Biên phòng, phòng Cảnh sát giao thông đường thủy, trong khi đó kinh phí cho hoạt động kiểm tra, kiểm soát nằm trong định mức do ngân sách cấp, nên số lượt kiểm tra, kiểm soát ít, thời gian ngắn dẫn đến kết quả chưa cao.

- Các huyện nội đồng không có cán bộ chuyên ngành thủy sản chỉ đạo nên thiếu mạng lưới hoạt động và gặp nhiều khó khăn trong tổ chức thực hiện.

- Theo Quyết định 415 của Bộ Thủy sản, số lượng thẻ Thanh tra viên, Kiểm soát viên cấp cho Chi cục ít nên chưa đáp ứng yêu cầu về việc xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra, kiểm soát.

Trong thời gian tới, Thái Bình sẽ tập trung vào việc tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền Pháp lệnh BV&PTNLTS và tác hại của việc sử dụng xung điện, chất nổ, chất độc khai thác thủy sản trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, phối hợp với các đồn, trạm biên phòng và UBND các xã ven biển phân loại khu vực làng, xã có nhiều ngư dân sử dụng xung điện khai thác thủy sản, có kế hoạch giáo dục để họ tự nguyện chuyển nghề, đồng thời phối hợp với công an, chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ nơi sản xuất kích điện và cung ứng vật liệu nổ, quản lý việc vận chuyển và tàng trữ chất nổ trái phép, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát cả trong vùng nội đồng và ven biển để xử lý nghiêm những đối tượng vi phạm Pháp lệnh BV&PTNLTS.

Qua hơn 2 năm triển khai thực hiện Chỉ thị 01/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ tại Thái Bình, nhận thấy muốn làm tốt hơn công tác BVNLTS tại địa phương, cần tăng cường lực lượng, kinh phí hoạt động vì hiện nay lực lượng còn mỏng, kinh phí chưa đáp ứng nhu cầu. Cần lập kế hoạch kinh phí ngoài định mức, nhất là kinh phí hoạt động cho các tàu kiểm ngư. Có như vậy, mới có thể tiến tới xóa bỏ tệ nạn dùng xung điện, chất nổ, chất độc khai thác thủy sản, góp phần BVNLTS của địa phương. □

Phạm tội phạm về môi trường

Trong chương XVII Bộ Luật hình sự số 15/1999/QH 10 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua tại kì họp thứ 6 khoá X và có hiệu lực thi hành từ 1/7/2000 có nêu đầy đủ các tội phạm về môi trường. Dưới đây xin trích vài điều trong chương đó.

Điều 182. Tội gây ô nhiễm môi trường

1. Người nào thải vào nguồn nước dầu mỡ, hoá chất độc hại, chất phóng xạ quá tiêu chuẩn cho phép, các chất thải, xác động vật, thực vật, vi khuẩn, siêu vi khuẩn, kí sinh trùng độc hại và gây dịch bệnh hoặc các yếu tố độc hại khác, đã bị xử phạt hành chính mà cố tình không thực hiện các biện pháp khắc phục theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

3. Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Điều 183. Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người

1. Người nào có một trong các hành vi sau đây làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm:

a/ Đưa ra khỏi vùng có dịch bệnh động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật hoặc vật phẩm khác có khả năng truyền dịch bệnh nguy hiểm cho người;

b/ Đưa vào hoặc cho phép đưa vào Việt Nam động vật, thực vật hoặc sản phẩm động vật, thực vật bị nhiễm bệnh hoặc mang mầm bệnh nguy hiểm có khả năng truyền cho người;

c/ Hành vi khác làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người.

2. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười hai năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Điều 184. Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật

1. Người nào có một trong các hành vi sau đây làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a/ Đưa vào hoặc mang ra khỏi khu vực hạn chế lưu thông động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật hoặc vật phẩm khác bị nhiễm bệnh hoặc mầm bệnh;

b/ Đưa vào hoặc cho phép đưa vào Việt Nam

động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật thuộc đối tượng kiểm dịch mà không thực hiện các qui định của pháp luật về kiểm dịch;

c/ Hành vi khác làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật.

2. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Điều 188: Tội huỷ hoại nguồn lợi thủy sản

1. Người nào vi phạm các qui định về bảo vệ nguồn lợi thủy sản thuộc một trong các trường hợp sau đây gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a/ Sử dụng chất độc, chất nổ, các hoá chất khác, dòng điện hoặc các phương tiện, ngư cụ khác bị cấm để khai thác thủy sản hoặc làm huỷ hoại nguồn lợi thủy sản;

b/ Khai thác thủy sản tại khu vực bị cấm, trong mùa sinh sản của một số loài hoặc vào thời gian khác mà pháp luật cấm;

c/ Khai thác các loài thủy sản quý hiếm bị cấm theo qui định của Chính phủ;

d/ Phá hoại nơi cư ngụ của các loài thủy sản quý hiếm được bảo vệ theo qui định của Chính phủ;

đ/ Vi phạm các qui định khác về bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

2. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tiền từ năm mươi triệu đồng đến hai trăm triệu đồng hoặc phạt tù từ hai năm đến năm năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ hai triệu đồng đến hai mươi triệu đồng, cấm đảm nhiệm

chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Điều 191: Tội vi phạm chế độ bảo vệ đặc biệt đối với khu bảo tồn thiên nhiên

1. Người nào vi phạm chế độ sử dụng, khai thác khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, di tích thiên nhiên hoặc các khu thiên nhiên khác được Nhà nước bảo vệ đặc biệt, đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ hai năm đến năm năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ hai triệu đồng đến hai mươi triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm. □



Phá rừng ngập mặn - phá môi trường của các loài thủy sinh.

Ảnh : TL

KIỆN QUYẾT XỬ LÝ VI PHẠM TRONG KHAI THÁC THỦY SẢN

● HOÀNG MINH TUẤN

Chi cục BVNLTs Bình Thuận

Tháng 5 vừa qua, lực lượng Kiểm ngư tỉnh đã xử lý 81 trường hợp vi phạm khai thác thủy sản.

Tình trạng khai thác hải đặc sản non đang trong thời kì sinh sản và phát triển vẫn tiếp tục xảy ra, một số chủ phương tiện và thuyền trưởng tàu cá tìm cách đối phó như: mang theo lưới và thả xuống biển khi phát hiện tàu Kiểm ngư nhưng thực chất là lén lút lặn bắt các loài hải đặc sản bản mai, sò lông, dòn...; giấu sản phẩm khai thác được tại các địa điểm dưới biển, khi thấy tình hình kiểm tra đã êm hoặc lực lượng Kiểm ngư đã chuyển đến địa điểm khác thì cho các thuyền nhỏ lặn vớt chuyển vào các bãi ngang; truyền tin qua bộ đàm từ đất liền ra biển để báo tin tàu kiểm ngư đang hoạt động.... Trong tháng, lực lượng kiểm ngư đã phát hiện và xử lý 32 trường hợp lặn bắt hải đặc sản, 5 trường hợp hành nghề lặn tại khu vực cấm khai thác có thời hạn và 2 vụ vận chuyển thủy sản trong thời gian cấm.

Một vấn đề nghiêm trọng là do việc lén lút lặn bắt hải đặc sản, sợ lực lượng Kiểm ngư phát hiện và xử phạt nên chủ phương tiện, thuyền trưởng đã giấu sản phẩm trong các bao tải để dưới biển; việc kiểm tra của lực lượng chuyên trách quá chặt chẽ, dẫn đến tình trạng phải bỏ sản phẩm, số hải đặc sản này bị chết, gây ô nhiễm môi trường sống của các loài thủy sản khác.

Hiện nay, cùng với việc tăng cường công tác kiểm tra-kiểm soát trên biển để phát hiện và ngăn chặn các hành vi khai thác thủy sản sai qui định, lực lượng kiểm ngư còn phối hợp với bộ đội biên phòng kiểm tra việc thực hiện trang bị an toàn cho người và phương tiện nghề cá, không cho ra khơi đánh bắt thủy sản khi phương tiện trang bị không đầy đủ, không có hoặc không đủ số lượng phao cứu sinh theo qui định. Được biết, từ giữa tháng 5 đến nay, Chi cục BVNLTs đã mở 4 lớp truyền đạt nội dung Nghị định 72 của Chính phủ đến trực tiếp bà con ngư dân các địa phương: Phan Thiết, Hàm Tân, Phú Quý và Tuy Phong. Ngoài ra, thông qua công tác đăng kí - đăng kiểm, đã giải thích và vận động được 1.400 chủ phương tiện và thuyền trưởng tự nguyện làm bản cam kết thực hiện tốt việc trang bị an toàn cho người và phương tiện khi hoạt động trên biển, không khai thác thủy sản bằng chất nổ, chất độc, xung điện. Tính từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh đã có 1.400 phương tiện được kiểm tra và xác định tình trạng kĩ thuật đảm bảo an toàn; Chi cục BVNLTs đã tiếp tục cung ứng 1.850 phao cứu sinh các loại và cũng đã chuyển 500 phao cứu sinh nhân đạo đến bà con ngư dân nghèo của 04 địa phương là: Phú Quý, Hàm Tân, Phan Thiết và Tuy Phong. □

Quản lí nguồn lợi thủy sản TẠI CÁC CÔNG VIÊN BIỂN CỦA MALAIXIA

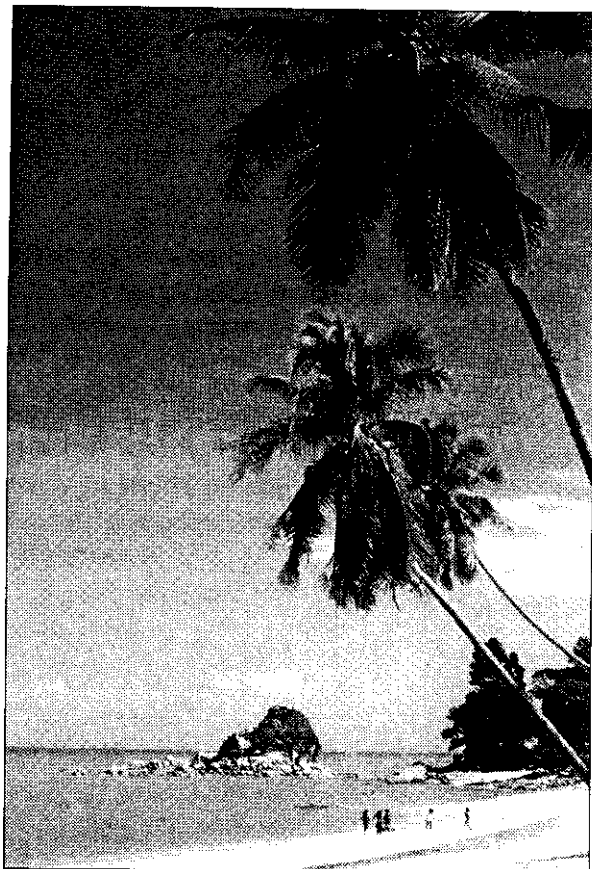
Với mục đích bảo tồn, bảo vệ và quản lí hệ sinh thái biển, đặc biệt là các vùng rạn san hô để bảo đảm sử dụng, phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản, nghiên cứu đa dạng sinh học và các mục đích giáo dục, hoạt động giải trí, du lịch sinh thái trong vùng nước ven biển, năm 1983, Cục Thủy sản Malaixia được giao trách nhiệm thiết lập và quản lí các công viên biển ở Malaixia. Cục đã tiến hành nghiên cứu các vùng rạn san hô trong toàn quốc nhằm xác định chúng là những công viên biển và tạm thời công bố các vùng nước kéo dài 8km từ bờ biển bao quanh Pulau Redang thuộc bang Terengganu là vùng cấm khai thác thủy sản (*Fisheries Prohibited Area - FPA*). Tiếp đó, năm 1985, các vùng nước kéo dài 3 km từ bờ biển bao quanh 232 đảo thuộc các bang Kedah, Terengganu, Pahang và Johor cũng được công bố là FPA theo Đạo luật Thủy sản 1963.

Tại Đạo luật Thủy sản 1985 có nêu các điều khoản liên quan đến các công viên biển (*Điều IX. Phần 41-45*) và định nghĩa công viên biển như sau:

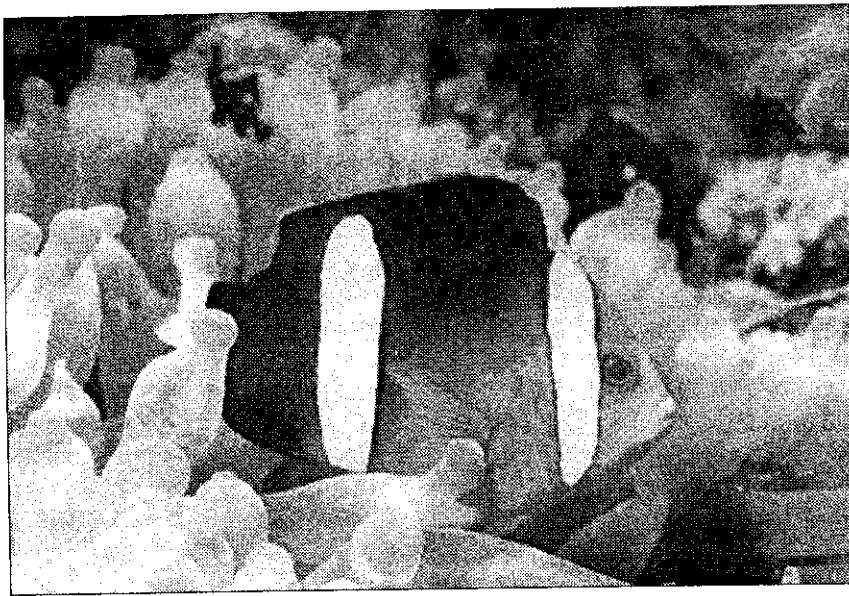
Công viên biển là một vùng biển được khoanh lại như một vùng bảo tồn để bảo vệ các hệ sinh thái biển, đặc biệt là các rạn san hô và các hệ động, thực vật của chúng.

Sau khi nghiên cứu và thảo luận kĩ lưỡng, cuối cùng các vùng nước kéo dài 2 hải lí từ bờ biển bao quanh 38 đảo thuộc các bang Kedah, Terengganu, Pahang, Johor và lãnh thổ của Labuan được công bố chính thức là các công viên biển của Malaixia và được quản lí hành chính như các FPA. Năm 1998, thêm các vùng nước của 2 đảo thuộc bang Terengganu cũng được công bố là công viên biển.

Hiện nay ngoài các công viên biển, có 3 FPA thuộc bang Sarawak, 3 thuộc bang Malacca và 1 thuộc bang Negeri Sembilan.



Để điều hành và quản lí tốt hơn, các vùng nước bao quanh 40 đảo được gộp thành 5 công viên biển chính bao gồm: Công viên biển Pulau Payar ở Kedah - 4 đảo; Pulau Redang ở Terengganu - 11 đảo; Pulau Tioman ở Pahang - 9 đảo; Mersing ở Johor - 13 đảo; và Labuan ở W.P. Labuan - 3 đảo. Mỗi công viên biển có một trung tâm điều hành và quản lí. Các trung tâm là cơ sở thực nghiệm nghiên cứu và được sử dụng như một nơi để giáo dục về môi trường biển không những cho thanh thiếu niên mà còn cho toàn thể cộng đồng. ở Trung tâm Pulau Redang và Pulau Tioman ►



có các phòng thí nghiệm dành cho các nhà khoa học. Tại 3 trung tâm Pulau Payar, Pulau Redang và Pulau Tioman có các nhà nghỉ dành cho nhân viên, các nhà khoa học.

Hiện đang có kế hoạch xây dựng các trung tâm phụ ở Pulau Tinggi (Johor) và Pulau Perhentian (Terengganu), có nhiệm vụ như những trung tâm chính về điều hành và quản lý các công viên biển xung quanh.

Các hoạt động không có hại đối với rạn san hô và môi trường đều được cho phép và khuyến khích. Tại những cảnh đẹp và kì quan của môi trường dưới nước, mọi người có thể tham gia những hoạt động nhằm nâng cao nhận thức và kiến thức về môi trường biển để từ đó quan tâm đến việc tham gia bảo tồn và bảo vệ chúng. Trong số các hoạt động được phép có: lặn scuba, lặn có ống thông hơi, chụp ảnh dưới nước, bơi, cho cá ăn (có kiểm soát và giới hạn), bơi thuyền và điều tra rừng nhiệt đới.

Các hoạt động gây hại cũng như phá huỷ rạn san hô và hệ sinh thái biển bị cấm theo Đạo luật Thủy sản (phần 43) là: *bắt và giết cá, bắn cá, thu gom san hô, các loại sò và các động vật khác; lấy cát, san hô, vỏ sò chết; xả rác và gây ô nhiễm, neo đậu tàu thuyền ảnh hưởng trực tiếp tới rạn san hô và xây dựng các công trình*, trừ trường hợp được phép.

Để quản lý các công viên biển và nguồn lợi thủy sản, Malaixia đã thành lập Hội đồng tư vấn quốc gia

về công viên biển và khu dự trữ biển. Chánh văn phòng Bộ Nông nghiệp làm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên là đại diện cho các tổ chức phi chính phủ về kinh doanh và môi trường, các trường đại học địa phương, công ty thương mại và cả các quan chức của Chính phủ Liên bang.

Hội đồng có chức năng xây dựng và hướng dẫn thực hiện ở cấp quốc gia về các vấn đề bảo vệ, bảo tồn, sử dụng, kiểm soát, quản lý và điều hành công viên biển và các khu dự trữ biển; phối hợp

với Chính phủ Liên bang và các cơ quan hữu quan trong việc phát triển các vùng của công viên biển hay khu dự trữ biển; tham mưu cho Chính phủ về các dự án phát triển các đảo nằm trong công viên biển hay khu dự trữ biển.

Ở Malaixia, vấn đề đất đai thuộc quyền tài phán quốc gia của Chính phủ, vì vậy việc đảm bảo sự phát triển trên đảo không gây nguy hại tới hệ sinh thái biển là rất quan trọng. Để các dự án phát triển trên đảo phù hợp với hệ sinh thái, Hội đồng quyết định mỗi bang có công viên biển thành lập ủy ban riêng của bang đó nhằm đưa ra những ý kiến tham mưu cho Chính phủ về các vấn đề tác động đến môi trường biển. Làm như vậy, các dự án phát triển trên đảo sẽ được thiết lập và quản lý thích hợp.

Cục Thủy sản Malaixia là cơ quan của Liên bang có trách nhiệm *quản lý và điều hành toàn bộ công viên biển của Malaixia* dựa trên các hướng dẫn chính sách tổng quan do Hội đồng đưa ra. Việc giám sát và điều hành công viên do các nhân viên của công viên thực hiện với sự giúp đỡ của Ban Điều hành của Cục Thủy sản. Ngoài việc thực thi luật pháp những nhân viên này còn thực hiện các công tác tuyên truyền giáo dục, quản lý, điều hành các công việc chung khác. Ban Nghiên cứu của Cục Thủy sản tiến hành hầu hết các công trình nghiên cứu trong công viên với sự tham gia của nhân viên. Các nhà khoa học từ các trường đại học trong và ngoài nước cũng như từ các tổ chức phi chính phủ được khuyến khích tiến hành các công trình

► nghiên cứu của họ trong các công viên.

Từ khi có hệ thống các khu bảo tồn biển, đã đạt được nhiều lợi ích : Quản lí được nguồn lợi thủy sản thông qua bảo tồn đa dạng sinh học của các công viên biển. Khuyến khích và tạo cơ hội cho các nhà khoa học tiến hành các công trình nghiên cứu về đa dạng sinh học với các mục đích khác nhau. Bảo tồn và bảo vệ nguồn lợi biển, đặc biệt các rạn san hô rất hấp dẫn đối với khách du lịch đến công viên biển. Tái tạo nguồn lợi biển và đa dạng sinh học đã bị khai thác quá mức hoặc vì những lí do khác, trong đó có rùa biển. Tạo thêm cơ hội giáo dục và giải trí.

Các kết quả nghiên cứu cho thấy hệ sinh thái quan trọng nhất trong các công viên biển là các rạn san hô. Khoảng 40% sản lượng cá thương mại ở các vùng nước ven biển của Malaixia (từ 30 hải lí trở vào) có nguồn gốc từ rạn san hô. Vì vậy, điều quan trọng nhất là phải bảo tồn và bảo vệ cá rạn san hô cùng với sự phong phú của hệ động thực vật ở đó, nếu không, một số lượng lớn nguồn lợi thủy sản sẽ bị mất. Tuy nhiên, rừng ngập mặn, cỏ biển và các hệ sinh thái vùng ngập triều cũng rất quan trọng vì đó là nơi sinh sản và phát triển các loài thủy sản vùng ven biển, cần phải bảo vệ và bảo tồn nhằm góp phần bảo vệ và bảo tồn nguồn lợi thủy sản của các vùng nước ven biển. Việc suy giảm nguồn lợi thủy sản chính là do phá hủy những hệ sinh thái này, đồng thời việc đánh bắt quá mức và sử dụng các phương pháp hủy diệt để đánh cá cũng gây nên suy thoái nguồn lợi thủy sản ở các vùng nước ven biển.

Rõ ràng việc bảo tồn và bảo vệ những hệ sinh thái trên là rất quan trọng đối với nền kinh tế, không những về phương diện lợi nhuận du lịch mà còn đối với nguồn thực phẩm thủy sản của Malaixia. □

Nguồn: Minh Quang - Marine Parks of Malaysia-A management Tool for Fisheries Resources.

SÓC TRĂNG

Hứa hẹn một mùa tôm

● VŨ VĂN DŨNG

Chi cục trưởng Chi cục BVNLTS Sóc Trăng

Vụ I năm nay, Sóc Trăng nuôi 29.420 ha tôm sú với hơn 500 triệu con giống, giải quyết công ăn việc làm cho hàng vạn lao động. Tính đến nay 29/5/2000, toàn tỉnh đã thu hoạch trên 3.000 ha, hơn 90% có lãi, có nhiều hộ lãi từ 100 đến 300 triệu đồng, hứa hẹn một mùa tôm trúng đậm, góp phần xoá được đói giảm được nghèo.

Những yếu tố quyết định thắng lợi trên là sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của cấp uỷ, chính quyền các cấp và sự cố gắng vượt bậc của ngành thủy sản Sóc Trăng. Rút kinh nghiệm những năm trước, năm nay, ngay từ đầu vụ để tạo môi trường vuông nuôi trong sạch thích hợp cho tôm phát triển, yếu tố giải quyết trước hết là việc nạo vét ao vuông, thổi bùn ra sông làm ô nhiễm môi trường bị ngăn chặn, việc diệt cá tạp bằng hóa chất độc hại đã chấm dứt. Mặt khác, các cơ sở sản xuất giống phải tuân thủ tiêu chuẩn của ngành thủy sản về qui định của trại ương và bắt buộc phải post ương 7 ngày đạt tiêu chuẩn mới cho xuất bán; Trung tâm Khuyến ngư đã tổ chức các lớp tập huấn kĩ thuật cho bà con nuôi tôm. Đặc biệt, Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản kiểm tra việc nhập tôm giống; qua kiểm tra đã phát hiện và kiên quyết huỷ bỏ gần 6 triệu con giống có mầm bệnh và xử lí 71 vụ vi phạm trong việc quản lí con giống....

Quản lí chất lượng con giống là vấn đề quan trọng hàng đầu. Đầu vụ tôm, do nhiều bà con nóng vội, tự đi tìm tôm giống trôi nổi trên thị trường, không rõ nguồn gốc, không qua kiểm dịch nên dẫn đến tình trạng tôm chết từng nhóm và lây lan theo nguồn nước ra hàng trăm ha. Cũng có trường hợp do xử lí nước không đúng kĩ thuật, tôm bị sốc bởi pH tăng đột ngột; do nắng nóng thiếu nước, tảo phát triển thiếu ôxy làm cho tôm nổi đầu và chết. Do những nguyên nhân trên, chỉ trogn 3 tháng đầu vụ đã có 2.000 ha tôm nuôi bị chết làm cho người nuôi tôm hoang mang. Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản đã hướng dẫn phương pháp phòng trị bệnh, ngăn chặn không cho dịch bệnh lây lan, phát triển thêm và tập trung khoanh vùng tôm bị bệnh dùng thuốc diệt các loại khuẩn gây bệnh, phát hiện vuông tôm bị bệnh là cho đóng cống và dùng thuốc diệt khuẩn, sau 7 ngày kiểm tra, nếu dịch bệnh không còn khả năng lây lan mới cho xả ra và cải tạo thật kĩ mới cho nuôi trở lại....

Qua sự cố trên, bà con ngày càng yêu mến và tin tưởng vào Chi cục BVNLTS. □

DI GIỐNG TÔM SÚ MIỀN TRUNG RA MIỀN BẮC NUÔI VỤ XUÂN HÈ NĂM 2000

● LÊ HỮU NHẠC

Trong nghề nuôi tôm, con giống đóng vai trò quan trọng, nên Nhà nước, Bộ Thủy sản đã quan tâm đầu tư cho các tỉnh miền Bắc 14 trại sản xuất tôm giống để phục vụ con giống cho dân nuôi tôm thương phẩm xuất khẩu. Song do nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan các trại chưa cho tôm sú đẻ thành công, không đáp ứng được yêu cầu con giống cho phong trào nuôi sú xuất khẩu ở miền Bắc.

Bởi vậy Bộ Thủy sản chủ trương cho di chuyển giống tôm sú P15 (Post 15) từ miền Trung chuyển ra miền Bắc, ương lên giống 2-3 cm cung ứng cho dân nuôi tôm thương phẩm xuất khẩu. Từ đó phong trào nuôi tôm sú ở bãi triều ven biển miền Bắc phát triển nhanh: diện tích, sản lượng, hiệu quả năm sau cao hơn năm trước, con giống yêu cầu của dân ngày càng nhiều.

Năm 1999 giống tôm sú P15 chuyển từ miền Trung ra miền Bắc đạt 250 triệu con chất lượng con

giống đạt tiêu chuẩn của ngành, nhiều hộ nuôi có lãi, một số ít hộ nuôi không có hiệu quả do con giống chất lượng kém, môi trường ao, đầm không sạch, thức ăn thiếu số lượng, kém chất lượng.

Sang năm 2000, sau tết Canh Thìn nhân dân ra bãi triều lao động cải tạo ao, đầm để nuôi tôm rất sôi động.

Số tôm giống chuyển từ miền Trung ra miền Bắc, qua kiểm tra của "Ban đại diện Hội nuôi Thủy sản ở miền Bắc" đến ngày 30/4/2000 đạt được 364 triệu con tăng hơn năm 1999 114 triệu con.

Tuy số lượng tăng nhưng về chất lượng có một số tư thương chuyên tôm ra không đúng kích cỡ, chất lượng kém.

Đợt đầu chuyển tôm ra gặp đợt rét kéo dài tôm chết hàng loạt. Từ Hà Tĩnh đến Quảng Ninh tỉnh nào tôm cũng bị chết. Tổng số tôm chết 10.600.000 con thiệt hại 630.000.000 đồng. Từ 15/3 và tháng 4/2000 là vụ chính chuyển

tôm ra nhiều.

Năm nay Nam Bộ ít người ra mua tôm Khánh Hoà, nhiều người Khánh Hoà chuyển tôm ra bán các tỉnh miền Bắc nên sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường dẫn tới họ tìm mọi cách bán được nhiều tôm kiếm được nhiều lời, bởi thế họ chuyển tôm P 8 - P10 mua rẻ, ra bán bằng P15 đã có lời, tôm nhỏ đóng túi được nhiều con hơn P15 lại thu lời thêm nữa. Tôm P8-P10 non ngày tuổi chuyển ra thả xuống ao đất ương tỉ lệ hao hụt lớn giá thành tôm giống cao, thiệt cho người nuôi. Sở dĩ có tình trạng trên do tại gốc chuyển tôm ra không có người kiểm tra; người làm dịch vụ nặng về lợi nhuận cố tình làm sai qui trình vận chuyển, làm trái qui định của Bộ Thủy sản về kích cỡ tôm Post (P15) chuyển ra Bắc.

Hội nuôi thủy sản đã đi kiểm tra một số đầm ương tôm P10-P12 lên tôm giống 2-3cm thả nuôi tôm thịt tại các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Nam Định, Hải Phòng tôm phát triển chậm. Vậy đề nghị các cơ quan khuyến ngư, Bảo vệ nguồn lợi; ngành thủy sản kiểm tra, theo dõi sự phát triển của tôm đang nuôi ở các ao đầm, hướng dẫn cho dân chăm sóc chu đáo cho tôm phát triển tốt kịp thu hoạch trước mùa mưa bão. □

CÔNG TY CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI....

(tiếp theo trang 17)

Nhà nước, có chế độ đãi ngộ thoả đáng đối với người lao động. 20 năm liền công ty được Liên đoàn Lao động thành phố Hải Phòng tặng cờ "Công đoàn cơ sở xuất sắc". Năm 1999, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam tặng cán bộ, đoàn viên Công đoàn công ty bức tranh "40 năm đoàn kết, xây dựng và trưởng thành 1958-1999". Đoàn thanh niên công ty là lực lượng xung kích trong sản xuất, kinh doanh đã phát huy được sức mạnh

tuổi trẻ, có nhiều sáng kiến trong lao động, tổ chức được nhiều phong trào bổ ích, là đơn vị trong sạch vững mạnh nhiều năm liền.

Với những thành tích xuất sắc đã đạt được, những năm qua, công ty đã được tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý của Nhà nước: Huân chương Lao động hạng 3, Huân chương Lao động hạng 2, 2 Huân chương Lao động hạng nhất, 2 Huân chương chiến công hạng ba, Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua xuất sắc của thành phố Hải Phòng liên tục 20 năm 1980-1999 và nhiều phần thưởng khác. Ngày 19/5/2000, Công ty đã vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Đơn vị Anh hùng Lao động". □



Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh về thăm cánh đồng nuôi trồng thủy sản xã Hoàng Phụ, Hoàng Hoá, Thanh Hoá.

Ảnh: CTV

Tổng kết chương trình khuyến ngư trọng điểm thời kì 1994-2000

Năm 2000 - năm kết thúc chương trình khuyến ngư trọng điểm thời kì 1994-2000. Để đánh giá kết quả hoạt động khuyến ngư thời kì này, đồng thời chuẩn bị xây dựng chương trình khuyến ngư thời kì 2001-2005-2010 nhằm góp phần thực hiện thắng lợi 3 chương trình kinh tế của ngành, Bộ trưởng Thủy sản đã ra Chỉ thị số 02/2000/CT-BTS ngày 9/5/2000 về việc tổng kết chương trình khuyến ngư trọng điểm thời kì 1994-2000 trong phạm vi cả nước.

Tại Chỉ thị, Bộ yêu cầu các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các Trung tâm Khuyến ngư, Trung tâm Khuyến nông, các đơn vị có hoạt động khuyến ngư, tổ chức tổng kết chương trình khuyến ngư trọng điểm thời kì 1994-2000 ở địa phương mình với các nội dung sau: Chương trình nuôi tôm, cua, đặc sản biển; chương trình nuôi thâm canh cá ao và đặc sản nước ngọt; chương trình nuôi thủy

sản lồng bè trên sông, hồ chứa và biển; chương trình phát triển nghề khai thác khơi và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; chương trình bảo quản chế biến nâng cao chất lượng sản phẩm thủy sản.

Các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần tổng kết các kết quả làm được thông qua các biện pháp triển khai, qua đó đề xuất phương hướng, nội dung hoạt động khuyến ngư của địa phương giai đoạn 2001-2005. Tiến hành hội nghị tổng kết tại địa phương, có khen thưởng cá nhân, đơn vị có thành tích trong công tác khuyến ngư.

Các Viện, Trường, Trung tâm, Hội nghề nghiệp, đoàn thể quần chúng có hoạt động khuyến ngư cũng tổng kết theo nội dung 5 chương trình khuyến ngư trọng điểm trong phạm vi của đơn vị đã triển khai.

Bộ quy định các địa phương, đơn vị phải hoàn thành tổng kết trong quý II và báo cáo về Bộ trước ngày 15/7/2000 để chuẩn bị cho Hội nghị tổng kết chương trình khuyến ngư trọng điểm thời kì 1994-2000 của ngành dự định tổ chức vào tháng 10/2000. □

L.H

Khuyến ngư trả lời

Hỏi: Tại sao tôm sú giống khi mới thả không nổi đầu, sau 3-7 ngày nuôi lại bị nổi đầu và thường nổi đầu vào lúc rạng sáng và khi nước lạnh. Cách giải quyết như thế nào?

Trả lời:

Đặc điểm của tôm sú là kiếm ăn ở đáy ao và thường kiếm ăn vào ban đêm. Khi mới thả tôm giống xuống ao nuôi, tôm sẽ đi kiếm ăn ở đáy ao, ít khi nổi lên mặt nước. Ở một số ao nuôi, sau khi thả tôm giống khoảng 3 đến 7 ngày thấy tôm bơi hàng đàn trên mặt nước quanh ao vào các buổi sáng, nhất là khi thời tiết thay đổi hoặc nhiệt độ nước xuống thấp. Hiện tượng này kéo dài khoảng 1 tháng, sau đó không thấy nữa. Đây được xem là một hiện tượng bình thường. Qua kinh nghiệm của nhiều người nuôi tôm, nếu ao nuôi có hiện tượng tôm nổi đầu như thế thường cho năng suất không cao, tỉ lệ sống thấp và phân đàn rất mạnh.

Hiện nay chưa thể giải thích hiện tượng này một cách chính xác nhưng một số nhà kĩ thuật cho rằng có thể do nhiều nguyên nhân như môi trường ao nuôi không phù hợp (độ kiềm hoặc độ a xít cao hơn mức cho phép); đáy ao bẩn và có quá nhiều bùn; hàm

lượng ô xy hoà tan trong nước thấp, hoặc cũng có thể trong ao nuôi tôm có nhiều cá dữ ăn hại tôm... nên tôm phải nổi lên mặt nước.

Trong các nguyên nhân nêu trên, các nhà kĩ thuật cho rằng đáy ao bẩn là nguyên nhân chính. Qua thí nghiệm thực tế đã chứng minh các ao được rải tằm PE hoặc nylon ở đáy sẽ gây hiện tượng tôm nổi đầu nhiều hơn. Phân tích thủy hoá cho thấy, đối với các ao này, tuy nước có sạch hơn ao không được rải tằm PE hoặc nylon nhưng các chất cặn bã ở đáy ao có hàm lượng hữu cơ rất cao do thức ăn dư thừa tích tụ lâu ngày không được đất bùn hấp thụ trở thành chất bùn rất hôi thối và sinh ra nhiều khí độc hơn so với bùn ở các ao không được rải tằm PE hoặc nylon. Vì vậy, để hạn chế hiện tượng nổi đầu của tôm trong ao nuôi, trước hết phải giữ cho nền đáy và môi trường nước luôn đảm bảo sạch sẽ.

Hàm lượng ôxy hoà tan trong nước giảm cũng được xem là một nguyên nhân quan trọng gây nên hiện tượng nổi đầu của tôm trong ao nuôi. Thông thường vào ban đêm, nhiệt độ không khí và nước ao xuống thấp, các sinh vật trong nước hô hấp mạnh, lại không có quá trình quang hợp của các thực vật thủy sinh làm cho hàm lượng ôxy hoà tan trong nước thấp hơn ban ngày, đặc biệt vào lúc 5-6 giờ sáng. Vì vậy cần xử lí bằng cách sử dụng máy quạt nước (hay máy đập nước, máy sục khí). Thời gian hoạt động của máy phụ thuộc vào việc thiếu ôxy nhiều hay ít, thường tháng thứ nhất chạy 1-3 giờ vào lúc 5-6 giờ sáng, tháng thứ 2 chạy 3-5 giờ vào lúc 5-6 giờ sáng, tháng thứ 3 chạy 8-10 giờ, tháng thứ 4 chạy 8-10 giờ, trong những ngày thời tiết xấu có thể hoạt động máy khoảng 20 giờ hoặc cả ngày đêm.

Ngoài các nguyên nhân nêu trên, nếu trong ao có cá dữ ăn tôm cũng làm cho tôm chạy thành đàn nổi lên mặt nước, nhưng hiện tượng nổi đầu này có thể xuất hiện bất cứ lúc nào, không chỉ vào buổi sáng hoặc khi nhiệt độ nước xuống thấp. Trong trường hợp có cá dữ trong ao, có thể sử dụng bã chà (saponin) với liều lượng 10-25 g/m³ để diệt cá tạp ăn tôm.

Như vậy, hiện tượng nổi đầu của tôm sau khi thả giống là dấu hiệu không tốt cho quá trình nuôi tiếp theo, cần được khắc phục sớm, tuy nó không gây hậu quả quá nghiêm trọng cho người nuôi tôm. □

HÀ THANH TÙNG



Được mùa cá

Ảnh : Minh Quang

Một trong những nguyên nhân giảm lợi nhuận của quá trình sản xuất thủy sản là sự thất thoát sau thu hoạch về chất lượng và số lượng sản phẩm thủy sản, chủ yếu là chất lượng sản phẩm. Theo đánh giá của FAO, tỉ lệ thất thoát sau thu hoạch luôn ở mức trên 20%, tập trung ở các khâu: xử lí, bảo quản, vận chuyển, bốc dỡ, sơ chế và tiêu thụ sản phẩm. Vì vậy vấn đề đặt ra là làm thế nào để giảm đến mức thấp nhất tỉ lệ thất thoát sau thu hoạch.

Sản phẩm thủy sản sau khi thu hoạch khỏi mặt nước rất nhanh bị ươn thối nếu không có phương pháp bảo quản thích hợp. Có nhiều nguyên nhân làm giảm chất lượng sản phẩm, chủ yếu là:

- Tác động của các men, kể cả men có trong cơ thể của động vật thủy sản và ngoài môi trường;

- Tác động của quá trình oxy hóa xảy ra trong cơ thể, đặc biệt là động vật thủy sản có hàm lượng mỡ cao, các mỡ này bị oxy hoá thành các sản phẩm cấp thấp;

- Tác động của các vi sinh vật chuyển hóa protein thành các sản phẩm trung gian và các chất như NH_3 ; H_2S ; CO_3 ;...

Khi cá, tôm được thu hoạch lên khỏi mặt nước, chúng bị chết và trên cơ thể liên tục tiết nhớt, có khi độ dày nhớt lên tới 5cm. Chất nhớt là môi trường tốt nhất cho các men và vi sinh vật hoạt động và trong quá trình hoạt động, chúng làm cho nhớt chuyển từ màu trong sang màu đục, mùi chua, tanh khó chịu. Lúc mới chết, thân cá, tôm mềm dễ uốn và có sức đàn hồi nhưng sau một thời gian ngắn, mô cơ co lại làm cho toàn thân cá, tôm cứng. Tiếp theo là quá trình tự phân giải, phân huỷ của các protein dưới tác động của các men

và vi sinh vật sản sinh ra NH_3 ; H_2S ; CO_3 ;...

Để hạn chế quá trình xảy ra như trên, người ta thường sử dụng các phương pháp sau:

- Phơi, sấy: Phơi nắng hoặc dùng nhiệt làm bốc hơi nước trong sản phẩm.

- Dùng các tia cực tím, tia X chiếu vào sản phẩm trong thời gian ngắn để hạn chế hoạt động của các vi sinh vật. Phương pháp này ít được sử dụng trong bảo quản thủy sản.

- + Xếp một lượt đá một lượt cá hoặc tôm xen kẽ nhau, không nên dày quá 8cm, nếu cá to phải xử lí phù hợp mới ướp đá, tỉ lệ cá (tôm) và đá là 1/1, nếu có hầm bảo quản lạnh thì tỉ lệ đó là 1/0,5;

- + Sau khi ướp đá xong nên nhanh chóng đưa về nơi tiêu thụ hoặc chế biến. Thời gian bảo quản như vậy có thể kéo dài 5 ngày. Với điều kiện bảo quản có máy lạnh bổ sung giữ nhiệt độ ở 0°C sẽ bảo quản được đến 12 ngày.

- **Lạnh:** Đảm bảo nhiệt bảo quản từ $0-2^\circ\text{C}$, nếu cao hơn phải bổ sung thêm nước đá. Để duy trì tốt nhiệt độ, người ta thường sử dụng nước đá vẩy, mảnh cỡ 2-3cm.

- + Tôm, cá phải tiếp xúc đều với lớp đá dày 2-3cm, không bảo quản ở nơi nắng nóng. Thường xuyên theo dõi nhiệt độ và trạng thái bảo quản.

- **Sạch:** Trước khi bảo quản phải loại bỏ các tạp chất, rửa sạch sản phẩm.

- + Nước đá và dụng cụ ướp phải sạch. Có thể dùng Chlorine nồng độ 200ppm hoặc Chlorua vôi nồng độ 15% để khử trùng dụng cụ sản xuất.

- + Bảo quản riêng từng loại sản phẩm.

- **Không giập nát:** Phải hạn chế tới mức thấp nhất sự giập nát của tôm, cá.

- + Xếp đều trong khoang bảo quản, trong quá trình bảo quản tránh xóc và lắc mạnh.

Trong điều kiện sản xuất cụ thể, có thể áp dụng những phương pháp bảo quản khác nhau. Nếu làm tốt công tác bảo quản sẽ giảm thấp nhất thất thoát sau thu hoạch, nâng cao hiệu quả sản xuất và ngược lại. □

BẢO QUẢN SẢN PHẨM THỦY SẢN SAU THU HOẠCH

Minh

● THANH HÀ

- Sử dụng các hoá chất như Tetracycline, oromycine... với các nồng độ khác nhau để bảo quản sản phẩm nhằm ngăn chặn quá trình thối rửa của thịt cá, tôm.

- Sử dụng phương pháp bảo quản ở nhiệt độ $0-2^\circ\text{C}$. Đây là phương pháp tốt nhất để bảo quản sản phẩm thủy sản, giữ cho thịt cá, tôm không bị biến đổi về giá trị dinh dưỡng và giữ được mùi vị. ở mỗi nhiệt độ khác nhau có thể bảo quản được sản phẩm trong khoảng thời gian khác nhau, ví dụ ở 0°C có thể bảo quản thủy sản 11-12 ngày, ở $0,5^\circ\text{C}$ là 6-8 ngày, ở 3°C là 5-6 ngày, ở 5°C là 3,5 ngày, ở 10°C chỉ có thể bảo quản 20-30 giờ.

Trong quá trình bảo quản, cần quan tâm một số nguyên tắc cơ bản sau:

- **Nhanh:** Tôm, cá ra khỏi mặt nước cần được bảo quản càng nhanh càng tốt.

HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN

HỘI THI "BÀN TAY VÀNG"

TRONG CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN THỦY SẢN HƯỚNG TỚI ĐẠI HỘI THI ĐUA TOÀN NGÀNH VÀ TOÀN QUỐC NĂM 2000

Thiết thực lập thành tích chào mừng Đại hội thi đua toàn ngành thủy sản vào tháng 7/2000 và Đại hội thi đua toàn quốc năm 2000, Bộ Thủy sản và Công đoàn Thủy sản Việt Nam quyết định tổ chức Hội thi "Bàn tay vàng" trong công nghiệp chế biến thủy sản. Theo lịch trình, đến 20/5/2000 các đơn vị chế biến thủy sản đã hoàn thành việc thi "Bàn tay vàng" tại cấp cơ sở.

Ban tổ chức hội thi đã quyết định vòng chung kết ở cấp toàn ngành tổ chức tại 2 cụm như sau:

Cụm miền Bắc: Thời gian từ 18 đến 19/6/2000.

Tại: Công ty XNK thủy sản Quảng Ninh II,

Tổng số đội : 12 đội, tổng số người 36.

Cụm này gồm các đơn vị:

- Nghệ An 2 đội, 6 người.
- Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long 2 đội, 6 người.
- Hải Phòng 2 đội, 6 người.
- Quảng Ninh 4 đội, 12 người.
- Thừa Thiên Huế 2 đội, 6 người.

Cụm miền Nam: Thời gian từ 24 đến 25/6/2000

Tại: Cafatex Cần Thơ

Tổng số đội 18 đội với 54 người.

Cụm này gồm các đơn vị:

- Xí nghiệp CB thủy sản Chiến Thắng 2 đội, 6 người.

- Sóc Trăng 3 đội, 9 người.

- Bến Tre 2 đội, 6 người.

- Cà Mau 4 đội, 12 người.

- Tổng công ty thủy sản Việt Nam 2 đội, 6 người.

- Tiền Giang 1 đội 3 người.

- Cần Thơ 4 đội, 12 người.

Như vậy đến thời điểm này (8/6/2000) tại 2 địa điểm chung kết hội thi "Bàn tay vàng" về chế biến thủy sản cấp ngành có 30 đội với 90 cá nhân xuất sắc ở cơ sở sẽ dự thi. Tuy nhiên từ thời điểm này đến lúc chung kết sẽ có một số đơn vị đăng kí dự thi thêm như Thanh Hóa, Tổng công ty hải sản Biển Đông, Bà Rịa-Vũng Tàu; Trà Vinh và một vài đơn vị tư nhân tại Cà Mau, miền Trung. □

CÔNG ĐOÀN THỦY SẢN VIỆT NAM VÀ BỘ THỦY SẢN KÊU GỌI TOÀN THỂ CBCNV VÀ LD TRONG NGÀNH ỦNG HỘ TỈNH SÓC TRĂNG "XOÁ ĐÓI, GIẢM NGHÈO"

Thực hiện quyết định 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng xa, vùng sâu. "giao cho mỗi Bộ, ngành TW giúp đỡ một số xã..."; thực hiện văn bản của Thủ tướng chính phủ số 174/CP-VX ngày 22/2/1999 phân công Bộ Thủy sản giúp đỡ tỉnh Sóc Trăng xoá đói giảm nghèo. Để có kinh phí khoảng 160 triệu đồng xây dựng 8 căn nhà tình nghĩa tại Sóc Trăng, Công đoàn Thủy sản Việt Nam kêu gọi toàn thể CBCNV và lao động trong toàn ngành tiết kiệm tiêu dùng để góp một phần kinh phí giúp Bộ và Công đoàn

Thủy sản Việt Nam hoàn thành nhiệm vụ này.

Bộ Thủy sản và Công đoàn Thủy sản Việt Nam nhiệt liệt hoan nghênh và biểu dương đơn vị đầu tiên trong ngành đã đóng góp 20 triệu đồng để xây dựng 01 căn nhà tình nghĩa tại Sóc Trăng (ghi tên đơn vị) là Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long (Hải Phòng). Công đoàn Thủy sản đã có danh sách gửi các Công đoàn cơ sở (Công đoàn các Sở Thủy sản, các Công ty, các đơn vị trực thuộc Bộ...) để nghị ủng hộ kinh phí xây nhà tình nghĩa cho sóc trăng. Mong các đơn vị tích cực hưởng ứng và có báo cáo về Công đoàn bộ sớm. □

THÔNG BÁO KẾT QUẢ LÀM VIỆC GIỮA ĐOÀN CHỦ TỊCH TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM VÀ BAN CÁN SỰ BỘ THỦY SẢN

Ngày 8/5/2000 Đoàn Chủ tịch TLD Lao động Việt Nam và Ban Cán sự Đảng bộ Bộ Thủy sản đã có buổi làm việc tại Hà Nội.

- Về phía Tổng Liên đoàn có đồng chí Cù Thị Hậu- Ủy viên TW Đảng, Chủ tịch TLD Lao động Việt Nam, đồng chí Nguyễn An Lương Phó chủ tịch thường trực Tổng liên đoàn.

- Về phía Bộ Thủy sản có đồng chí Tạ Quang Ngọc-Ủy viên TW Đảng, Bộ trưởng Bộ Thủy sản, Bí thư Ban Cán sự Đảng bộ Bộ Thủy sản; đồng chí Nguyễn Ngọc Hồng-Ủy viên Ban cán sự, Thứ trưởng Bộ Thủy sản; các đồng chí ủy viên Ban cán sự, đại diện lãnh đạo một số vụ, cục, văn phòng Bộ.

- Công đoàn Thủy sản Việt Nam có đồng chí Nguyễn Việt Thắng, Thứ trưởng Bộ Thủy sản, Chủ tịch CĐTSVN; đồng chí Nguyễn Văn Mùi, Phó Chủ tịch thường trực và một số ủy viên Ban thường vụ cùng dự.

Kết luận hội nghị, đồng chí Cù Thị Hậu -Chủ tịch TLDLĐ Việt Nam và đồng chí Tạ Quang Ngọc -Bộ trưởng Bộ Thủy sản đã nhất trí các vấn đề sau:

1. Ban Cán sự Đảng bộ Bộ Thủy sản, đoàn chủ tịch TLD đánh giá cao và biểu dương những kết quả hoạt động, những cố gắng của CĐTSVN trong thời gian qua về các mặt như xây dựng và phát triển giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn, đóng góp quan trọng trong duy trì, phát triển và tăng trưởng về các mặt của ngành; về công tác tư tưởng, văn hóa, giáo dục; về thi đua; về thực hiện và giám sát thực hiện các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với cán bộ, công nhân, viên chức và lao động trong ngành. Nhất là làm tốt trách nhiệm thành viên thường trực Quĩ Nhân đạo Nghề cá Việt Nam. Ngoài ra CĐTSVN cũng làm tốt một số mặt về vận động lao động, ngư dân chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xoá đói giảm nghèo tham gia, tổ chức tốt các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tăng cường đoàn kết quân dân biển đảo; phòng chống tệ nạn xã hội....

2/ Nghề cá Việt Nam là nghề cá nhân dân nên việc phát triển đoàn viên ngoài quốc doanh là rất quan

trọng và cần thiết, về mặt này kết quả hoạt động chưa cao do thiếu kinh phí và phối hợp với Liên đoàn lao động địa phương chưa tốt.

- Chưa thành lập được công đoàn tổng công ty.

Kết luận hội nghị, đồng chí Cù Thị Hậu và đồng chí Tạ Quang Ngọc cũng thống nhất chỉ ra một số việc cần tập trung giải quyết như sau:

a/ Giao cho CĐTSVN xây dựng đề án về công tác phát triển đoàn viên, phối hợp với Liên đoàn lao động địa phương để chỉ đạo công đoàn ngành địa phương tổ chức xây dựng công đoàn ngoài quốc doanh nhằm thu hút tập hợp công nhân lao động ngành thủy sản, đồng thời xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy của CĐTS từ TW đến cơ sở theo nghị quyết 3 của TLD để đoàn chủ tịch TLD xem xét và chỉ đạo cụ thể.

b/ CĐTS phối hợp chặt chẽ với Vụ TCCB-LĐ Bộ Thủy sản, Viện cứu KHKT bảo hộ lao động của TLD, Bộ Y tế và các cơ quan hữu quan tập trung nghiên cứu đề xuất để được công nhận một số bệnh nghề nghiệp trong lao động thủy sản (như thấp khớp, phong động mạnh chân...) do môi trường lao động thủy sản gây nên.

c/ Công đoàn có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ văn hóa cho CBCNV và lao động trong ngành cũng như cán bộ văn phòng CĐTSVN. Tổng liên đoàn và Bộ Thủy sản sẽ có trách nhiệm giúp đỡ.

d/ CĐTSVN xây dựng đề án phát triển công đoàn ngành và đầu tư trang thiết bị nơi làm việc để TLD và Bộ Thủy sản xem xét hỗ trợ.

e/ CĐTSVN cần đôn đốc, nhắc nhở các cấp công đoàn và chính quyền ở cơ sở có giải pháp tháo gỡ khó khăn để đảm bảo quyền lợi (nhất là BHXH) cho những CNLĐ thiếu việc làm liên tục trong nhiều năm tại một số doanh nghiệp nhà nước như Tổng công ty Thủy sản Hạ Long; Tổng công ty Hải sản Biển Đông....

g/ TLD lao động Việt Nam và Bộ Thủy sản sẽ tạo điều kiện cho công đoàn ngành thủy sản có thể tham gia một số dự án trong ngành thủy sản và của Tổng liên đoàn. □

HOẠT ĐỘNG NGHỀ CÁ

❖ Ngày 12/5/2000, Bộ trưởng Thủy sản Tạ Quang Ngọc đã khai trương và thả cá do Bộ Thủy sản tặng vào Ao cá Bác Hồ trong khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An, nhân kỉ niệm 110 năm ngày sinh Bác Hồ.

Cũng dịp này, Bộ trưởng đã thăm khu nuôi tôm của bà con ngư dân tại huyện Quỳnh Lưu và của Trung tâm Khuyến ngư tỉnh Nghệ An, làm việc với UBND tỉnh và lãnh đạo huyện Quỳnh Lưu về phát triển thủy sản ở địa phương.

❖ Lễ kí văn kiện Dự án VIE/97/030 "Quản lí môi trường trong nuôi trồng thủy sản ven biển" do UNDP và Chính phủ Đan Mạch đồng tài trợ đã được tổ chức tại Hà Nội ngày 9/5/2000. Thứ trưởng Thủy sản Nguyễn Việt Thắng và ngài đại diện UNDP tại Hà Nội đã kí văn kiện dự án.



❖ Ban Tổ chức Đại hội Thi đua ngành thủy sản đã được thành lập, do Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Hồng, Chủ tịch Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Thủy sản làm trưởng ban và gồm có các tiểu ban: Nội dung và Khen thưởng, Tuyên truyền, Tổ chức nghi lễ đại hội.

Ban có trách nhiệm chuẩn bị tiến hành Đại hội Thi đua ngành thủy sản, bao gồm các công việc: chỉ đạo Đại hội Thi đua ngành ở địa phương và cơ sở, hướng dẫn địa phương, cơ sở cử đại biểu dự Đại hội Thi đua ngành, chuẩn bị các báo cáo điển hình của các tập thể, cá nhân tiêu biểu, phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí tuyên truyền gương người tốt việc tốt của ngành thủy sản, chuẩn bị điều kiện vật chất phục vụ

đại hội chu đáo, thiết thực và tiết kiệm.

❖ Bộ Thủy sản đang hoàn thiện dự thảo Quy chế bảo tồn biển trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ban hành.

Quy chế sẽ là cơ sở pháp lí để thực hiện việc quản lí các khu bảo tồn biển nhằm các mục tiêu: Bảo vệ môi trường, bảo vệ sự tồn tại và phát triển lâu bền các hệ sinh thái biển và ven biển; Bảo vệ các loài và các quần thể bị cạn kiệt, bị đe dọa cạn kiệt và bảo vệ sinh cư của chúng; Bảo vệ nguồn lợi hải sản; Bảo vệ các di sản thiên nhiên, di tích lịch sử, văn hóa; Phục vụ nghiên cứu khoa học và giáo dục về các đối tượng và nội dung có liên quan đến khu bảo tồn; Phục vụ du lịch sinh thái ở các khu bảo tồn biển; Phát triển kinh tế, góp phần cải thiện đời sống cho cư dân ven biển; Góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng tại các khu bảo tồn biển; Thực hiện các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam đã tham gia và tạo điều kiện thực hiện các hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới.

❖ Sản xuất kinh doanh của ngành tháng 5/2000 và ước tính 6 tháng đầu năm

Tháng 5/2000 tổng sản lượng thủy sản đạt 167.000 tấn, trong đó khai thác hải sản 109.000 tấn, nuôi trồng và khai thác thủy sản nội địa 58.000 tấn. Như vậy, tổng sản lượng 5 tháng đã đạt 766.000 tấn, bằng 39,48% so với kế hoạch và 108,19% so với cùng kì năm ngoái.

Giá nhiên liệu tăng trong khi giá bán hải sản không tăng đã gây nhiều khó khăn cho ngư dân. Tuy nhiên, do những diễn biến bất thường về khí hậu, thời tiết nên hoạt động nghề cá ven bờ có hiệu quả, sản lượng tăng.

Đáng chú ý trong nuôi trồng thủy sản là ngư dân đầu tư phát triển mạnh nuôi tôm hùm lồng và cá mú. Nuôi tôm sú tiếp tục phát triển, vụ tôm năm nay có hy vọng khả quan hơn năm ngoái.

Tháng 5, giá trị xuất khẩu thủy sản đạt 95 triệu USD, 5 tháng đã đạt 409.600 triệu USD. Sản lượng cá XK tăng 48, 35% so với cùng kì năm ngoái. ▶

► **Ước tính thực hiện 6 tháng đầu năm 2000 :**

- Tổng sản lượng thủy sản : 950850 tấn đạt 49,01% kế hoạch năm tăng 4,4% so với cùng kì năm 1999. Trong đó : Sản lượng khai thác : 634.850 tấn, đạt 43,89 5 kế hoạch tăng 14,9% so với cùng kì năm 1999.

Sản lượng NTTS : 316.000 tấn đạt 43,89 % kế hoạch tăng 14,9% so với cùng kì năm 1999

- Kim ngạch xuất khẩu 530 triệu USD, đạt 48,485 kế hoạch, tăng 24,7% so với cùng kì năm 1999

❖ **Từ ngày 23 đến 25/5/2000**, tại Hà Nội đã tổ chức Hội thảo xác định phạm vi, qui mô của chương trình “Phát triển NTTS bền vững phục vụ xóa đói giảm nghèo” (SAPA). Mục tiêu của hội nghị là xác định và đặt mọi nỗ lực vào chiến lược xóa đói giảm nghèo thông qua việc đẩy mạnh NTTS, cải tiến phương thức quản lí nguồn lợi và kêu gọi các đối tác nước ngoài hỗ trợ việc cải thiện cuộc sống của các cộng đồng dân



nghèo. Bộ trưởng Thủy sản Tạ Quang Ngọc đã đến dự và đọc lời chào mừng. Tại phiên khai mạc, các đại biểu đã nghe giới thiệu các chính sách của Nhà nước Việt Nam trong xóa đói giảm nghèo. Các phiên tiếp theo gồm tổng quan tình hình, các chính sách của các cơ quan tài trợ, thảo luận nhóm, chương trình chung. Tại phiên họp chung cuối cùng, Thứ trưởng Thủy sản Nguyễn Việt Thắng đã chủ trì và đọc lời kết luận cũng như thỏa thuận về các bước tiếp theo của chương trình.

❖ **Cuộc họp bán thường niên lần thứ hai Dự án Luật Thủy sản SRV0018**

Ngày 6/6/2000, tại hội trường Bộ Thủy sản đã diễn ra cuộc họp bán thường niên lần thứ hai Dự án Luật Thủy sản, Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc chủ trì phiên họp.

Tới dự có Thứ trưởng Bộ Tư pháp Ưông Chu Lưu, ngài Odd Toven, Bí thư thứ nhất Đại sứ quán Vương quốc Na Uy, đại diện Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, cùng các thành viên Ban soạn thảo Luật, Ban quản lí dự án, đại diện các cục, vụ, viện các ban ngành thuộc Bộ Thủy sản.

Ông Đinh Xuân Thảo, Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Thủy sản thay mặt Ban quản lí dự án báo cáo tiến độ thực hiện dự án qua sáu tháng triển khai thực hiện. Dự thảo lần đầu Luật Thủy sản đã được soạn thảo, đang được gửi đi lấy ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành, các chuyên gia pháp luật về thủy sản. Công việc chuẩn bị dự thảo dưới luật sẽ được tiến hành trong các tháng tới.

❖ **Vừa qua, Hội nghị triển khai Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản thời kì 1999-2010 và tổng kết mô hình nuôi tôm sú 2 năm 1998-1999 các tỉnh ven biển đã được tổ chức tại Hà Nội.**

Tại Hội nghị, Thứ trưởng Thủy sản Nguyễn Việt Thắng đã phát biểu ý kiến về việc thực hiện Chương trình phát triển NTTS thời kì 1999-2010. Các đại biểu cũng nghe Phó Vụ trưởng Vụ Nghề cá báo cáo tổng kết mô hình nuôi tôm sú 2 năm 1998-1999 ở các tỉnh ven biển, Viện trưởng Viện Kinh tế qui hoạch thủy sản Hà Xuân Thông trình bày về việc phối hợp thực hiện công tác qui hoạch phát triển NTTS trong toàn quốc và chuẩn bị các dự án đầu tư, Vụ trưởng vụ Kế hoạch-Đầu tư Nguyễn Văn Diệp hướng dẫn công tác đầu tư NTTS, cùng nhiều báo cáo và tham luận khác của đại diện các Sở Thủy sản, Sở NN và PTNT, Trung tâm Khuyến ngư các địa phương và đại diện các Bộ, Ban, Ngành ở trung ương. Các đại biểu dự hội nghị cũng đã nghiên cứu, góp ý cho các văn bản dự thảo trình Thủ tướng Chính phủ về việc xin ban hành các chính sách hỗ trợ rủi ro trong NTTS và hỗ trợ phát triển giống NTTS. □

TRONG SỐ NÀY

IN THIS ISSUE

Cuộc tôn vinh những tấm gương luôn vượt
trên đầu sóng ngọn gió

1 To respect for challenge-winners

Thư Bộ trưởng Thủy sản nhân
ngày Báo chí 21/6

2 Fishery Minister's letter on the occasion of the
Press Day 21/6

Ngành thủy sản hướng tới Đại hội thi đua toàn
quốc năm 2000

3 Toward the national emulation congress in the
2000 year

Bộ trưởng Thủy sản thăm quần đảo Trường Sa

7 Fishery Minister's visit to Truong Sa archipelago

Công ty QĐĐC Kiên giang : Tập thể anh hùng,
cá nhân anh hùng

8 Kien Giang Fishing state-owned
Company:heroic collectivity, heroic individual

Công ty XNK thủy sản An Giang : Cá Basa từ
sông Tiền, sông Hậu đi ra thế giới

11 Agifish's Basa from Tien and Hau Rivers onto
the world market

Phạm Mạnh Hoạt Giám đốc giỏi miền Trung

14 An outstanding director of the Central land

Công ty chế biến thủy sản Cát Hải: Nước mắm
Cát Hải - Hương vị biển Hải Phòng

16 CatHai's fish sauce a tast of the sea
of Hai Phong

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

SCIENCE TECHNOLOGY

Đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội nghề nuôi
tôm sú thương phẩm ở Khánh Hoà

20 The assessment of eco-social efficiency of the
commercial black tiger shrimp farming in Khanh
Hoa province

BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

25 PROTECTION OF FISHERIES RESOURCE

KHUYẾN NGƯ

37 FISHERIES EXTENSION

HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN

40 TRADE UNION ACTIVITIES

HOẠT ĐỘNG NGHỀ CÁ

42 NEWS ON FISHERIES ACTIVITIES

Ảnh bìa 1 : CBCNNV Công ty XNKTS An Giang đang giới thiệu với Chủ tịch nước Trần Đức Lương
sản phẩm xuất khẩu sang Mỹ của Công

Ảnh : Quang Vinh